

Số 09/KH-THCSTB

Điện Biên Phủ, ngày 29 tháng 8 năm 2025

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**  
**NĂM HỌC 2025-2026****I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021 của Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, ngày 20/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ GD&ĐT Ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS;

Thông tư 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ GD&ĐT Thông tư hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử & Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp;

Công văn bản số 4567/ BGĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Công văn số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 5/8/2025 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Quyết định số 2269/QĐ- BGĐT ngày 11/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên;

Quyết định số 1812/QĐ- UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ kế hoạch ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên về kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 2604/SGDĐT, ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 379/UBND-VHXXH, ngày 15 tháng 8 năm 2025 của UBND phường Điện Biên Phủ triển khai thực hiện Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông trên địa bàn phường,

Thực hiện Kế hoạch số 08/KH-THCSTB ngày 29/8/2025 của trường THCS Tân Bình về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026.

Trường THCS Tân Bình xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2025-2026 như sau:

## **I. BỐI CẢNH ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

### **1. Bối cảnh bên ngoài**

#### **1.1. Thời cơ**

Trường Trung học cơ sở Tân Bình đóng chân trên địa bàn phường Điện Biên Phủ, phường nằm ở vị trí trung tâm về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Điện Biên.

Trong những năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên, sự giúp đỡ tạo điều kiện của các ban, ngành chức năng của tỉnh, chỉ đạo trực tiếp của các cấp, các ngành, sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức xã hội quần chúng, sự đồng tình ủng hộ của các cơ quan, đơn vị và nhân dân các dân tộc trên địa bàn, phường Điện Biên Phủ đã đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực; các nguồn lực tiếp tục được khai thác và phát huy giá trị; đời sống nhân dân từng bước được cải thiện và nâng lên.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo của phường có những bước phát triển vững chắc. Các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung thiết bị dạy học luôn được quan tâm. Các chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục, hoạt động xã hội đã và đang được thực hiện có hiệu quả. Các chế độ chính sách hỗ trợ học sinh của Nhà nước tiếp tục được thực hiện tạo thuận lợi trong huy động và duy trì số lượng học sinh.

#### **1.2. Thách thức**

Pường Điện Biên Phủ là trung tâm kinh tế, tài chính, văn hóa của tỉnh Điện Biên, bên cạnh những tác động tích cực, những mặt tiêu cực cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sự nghiệp giáo dục trên địa bàn phường.

Kinh tế địa phương có sự phát triển nhưng chưa đồng đều, thu nhập của một số người dân trong vùng còn thấp, vẫn còn nhiều gia đình học sinh đời sống kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, chưa có điều kiện quan tâm trong việc phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục con em.

Giáo dục ngày càng phát triển, đòi hỏi nhà trường phải không ngừng nâng cao chất lượng toàn diện, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, góp phần nâng cao vị thế của nhà trường.

### **2. Bối cảnh bên trong**

#### **2.1. điểm mạnh**

##### **2.1.1. Truyền thống nhà trường**

Trường THCS Tân Bình có bề dày truyền thống với gần 30 năm xây dựng và phát triển. Tháng 8 năm 2023, nhà trường được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 và duy trì đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định

về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Trong những năm học vừa qua, mặc dù có nhiều khó khăn song sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo của trường THCS Tân Bình luôn phát triển toàn diện, vững chắc. Tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào học lớp 6 đạt 100%; số trẻ 11-14 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học học THCS đạt tỉ lệ 100%. Số học sinh TNTHCS đạt 100%; tỷ lệ học sinh chuyển lớp đạt 100%; Công tác tuyển sinh vào lớp 6 thực hiện đúng chỉ đạo. Học sinh giỏi các cấp, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS thi vào trường chuyên Lê Quý Đôn hàng năm luôn nằm trong những trường tốp đầu trong toàn thành phường và của tỉnh; Là cơ sở giáo dục có uy tín, có chất lượng cao của UBND phường.

### **2.1.2. Nguồn lực**

Cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp; kinh phí chi cho sự nghiệp giáo dục đã đáp ứng được nhu cầu tối thiểu phục vụ cho dạy và học. Khối phòng học 27 (kiên cố). Khối công trình công cộng; Có 03 nhà xe cho giáo viên học sinh, có hệ thống nước sạch, công trình vệ sinh riêng cho giáo viên và học sinh. có 12 phòng công vụ (01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng; 04 tổ chuyên môn; 01 phòng y tế, 01 phòng văn thư, 01 phòng kế toán, 01 phòng bảo vệ, 01 văn phòng). Nhà trường có công trình nước đạt chuẩn; có 06 nhà vệ sinh đạt yêu cầu. Thiết bị đồ dùng dạy học, sách giáo khoa, sách tham khảo cho thư viện đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Tài chính, ngân sách đủ đáp ứng nhu cầu cơ bản cho các hoạt động trong nhà trường. Công tác xã hội hóa nhận được sự quan tâm của cộng đồng.

### **2.1.3. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý**

Toàn trường có 55 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Trong đó: Cán bộ quản lý: 03 đồng chí (03/03 đồng chí trình độ Đại học đạt tỉ lệ 100%); giáo viên 46 đồng chí (44/46 đồng chí có trình độ đại học đạt tỉ lệ 95,7%; 2/46 đồng chí có trình độ cao đẳng đạt tỉ lệ 4,3%; Nhân viên: 06 đồng chí (03/06 đồng chí có trình độ đại học đạt tỉ lệ 50,0%; 02/06 đồng chí có trình độ trung cấp đạt tỉ lệ 33,3%; 01/06 đồng chí có trình độ sơ cấp đạt tỉ lệ 16,7%).

Giáo viên dạy giỏi cấp trường:  $46/46 = 100\%$ ; trong đó giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố  $18/46 = 39,1\%$ ; Giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh:  $11/46 = 23,9\%$ .

Tổ chức Đảng có 40 đồng chí Đảng viên, trong đó nam 04, nữ 36, dân tộc 06, nữ dân tộc 06.

Công tác tổ chức quản lý của Ban giám hiệu năng động, sáng tạo, quyết liệt: Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Xây dựng kế hoạch có tính khả thi, sát thực tế. Công tác tổ chức triển khai, kiểm tra đánh giá sâu sát. Được sự tin tưởng cao của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần đoàn kết cao, có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, yêu nghề, mến trẻ.

100% cán bộ, giáo viên có trình độ tin học A trở lên. Có kỹ năng sử dụng tin học trong quản lý, trong dạy học. Chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Nhiều đồng chí có kinh nghiệm trong công tác giáo dục, nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với

nhà trường mong muốn nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

#### **2.1.4. Chất lượng Học sinh (Năm học 2024-2025)**

Nhà trường đã tổ chức thực hiện linh hoạt, hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018. Thực hiện linh hoạt hình thức, phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng mũi nhọn. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, các hoạt động nghiên cứu khoa học dành cho học sinh được quan tâm, phát huy năng lực của học sinh. Học sinh tích cực tham gia các cuộc thi trên mạng Internet.

##### **- Quy mô trường lớp**

Năm học 2024-2025, toàn trường có 24 lớp với 931 học sinh (Khối 6: 06 lớp với 242 học sinh; Khối 7: 08 lớp với 307 học sinh; Khối 8: 05 lớp với 203 học sinh; Khối 9: 05 lớp với 179 học sinh), tăng 77 học sinh so với năm học trước.

##### **- Chất lượng về hai mặt giáo dục:**

Học tập: Tốt:  $568/932 = 70,0\%$ ; Khá:  $275/932 = 29,5\%$ ; Đạt:  $89/932 = 9,5\%$

Rèn luyện: Tốt:  $900/932 = 96,6\%$ ; Khá  $32/932 = 3,4\%$ ; Đạt: 0

Tỷ lệ học sinh chuyển lớp 100%, tốt nghiệp THCS 100%. Tỷ lệ học sinh thi đỗ các trường THPT, PTDTNT là  $179/179$  tỷ lệ 100%. Riêng học sinh thi đỗ trường chuyên Lê Quý Đôn  $43/179$  chiếm 24%. Là 1 trong những trường được xếp vào top đầu trường trong toàn tỉnh có điểm thi tuyển sinh THPT cao nhất tỉnh.

##### **- Chất lượng các cuộc thi:**

- Cuộc thi HSG các môn văn hóa lớp 9: cấp thành phố: 47 giải trong đó: Nhất: 02, Nhì: 3, Ba: 12, KK: 30. Cấp tỉnh: đạt 17 giải trong đó: 1 Nhất, 1 Nhì, 5 Ba, 10 KK.

- NCKHKT: cấp thành phố: 02 giải (02 giải Ba)

- Thi IOE qua mạng: cấp thành phố: 89 học sinh đạt giải, thi cấp tỉnh có 82 học sinh đạt giải (03 Nhất, 14 Nhì, 18 Ba, 47 KK); cấp quốc gia có 09 học sinh đạt giải (01 KK). STTTN đạt 02 giải cấp TP (01 giải Ba, 01 giải KK)

- Thi Violympic Toán qua mạng đạt 6 huy chương Vàng cấp tỉnh và 6/6 được công nhận cấp Quốc gia.

##### **- Các hoạt động khác:**

+ Nhà trường đã chú trọng công tác giáo dục chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống và giáo dục thể chất cho học sinh. Các phong trào thi đua của tổ chức đoàn, đội trong nhà trường phát huy hiệu quả, thu hút đông đảo học sinh tham gia, tạo sân chơi bổ ích rèn luyện đạo đức, hình thành lối sống lành mạnh cho học sinh. Kết quả cụ thể:

Liên đội tổ chức thành công Đại hội Châu ngoan Bác Hồ.

Thi viết thư quốc tế UPU lần thứ 54 năm 2025, qua triển khai và tuyên truyền chọn được 35 bài dự thi có chất lượng tham gia dự thi; Liên Đội tham gia phân nghi lễ và phút sinh hoạt truyền thống, dẫn chương trình trong đại hội châu ngoan Bác Hồ cấp thành phố năm 2024-2025; có 7 học sinh được tuyên dương và đạt danh hiệu châu ngoan Bác Hồ cấp thành phố.

Tổ chức thành công HĐTNHN chúng em là chiến sĩ cho khối 9.

Tham gia điều hành đường phố Lễ hội hoa Ban năm 2025 đạt giải Nhì; tham gia khối 500 học sinh mùa ô tại quảng trường 7/5 tỉnh Điện Biên.

Tham gia cuộc thi vẽ tranh: Bác Hồ với thiếu nhi - thiếu nhi với Bác Hồ do Trung ương Đoàn và báo TNTP&ND tổ chức với 340 bức tranh dự thi; tham gia thi An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai do bộ giáo dục và đào tạo phối hợp với ban ATGT quốc gia và công ty Honda Việt Nam tổ chức.

- Hội thao cụm trường: giải KK toàn đoàn 12 huy chương: 2 vàng, 4 bạc, 6 đồng

- Hội thao cấp tỉnh 6 giải: 1 Nhất, 2 Nhì, 3 Ba

- 100% tập thể lớp tích cực tham gia nhiệt tình các hoạt động sân trường, các phong trào thi đua, các hội thi, các cuộc vận động, lao động, vệ sinh, chăm sóc, vun xới, bảo vệ cây hoa, cây cảnh, cây xanh và đảm bảo an toàn cơ sở vật chất lớp học, trường học. Giữ gìn trật tự an ninh, an toàn trường học, an toàn giao thông. 100% học sinh được huy động tham gia các hoạt động trong phong trào hưởng ứng Lễ hội Hoa Anh Đào, Hoa Ban Điện biên năm 2025 đều nhiệt tình hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Công tác truyền thông giáo dục từng bước được đổi mới, thực hiện hiệu quả, góp phần tích cực vào việc thống nhất nhận thức, tạo sự đồng thuận trong triển khai, thực hiện nhiệm vụ đổi mới giáo dục và đào tạo. Nhà trường đã triển khai làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, đẩy mạnh cải cách hành chính về Giáo dục, triển khai đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 và Đề án 06 theo đúng lộ trình, đảm bảo kế hoạch đạt ra, nhà trường đã thực hiện thu, chi học phí và chi trả chế độ chính sách thanh toán không dùng tiền mặt; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học-quản lý, triển khai chữ ký số trên hồ sơ công việc.

## **2.2. Điểm yếu**

### **2.2.1. Nguồn lực**

Cơ sở vật chất của nhà trường ở một số tiêu chí chưa đáp ứng theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, nguyên nhân do nhà trường được quy hoạch đầu tư xây dựng đã lâu, diện tích phòng học, bãi tập còn chật hẹp.

Kinh phí hoạt động hàng năm chủ yếu là từ nhà nước cấp chủ yếu là dùng để chi lương cho giáo viên, kinh phí chi khác rất hạn chế nên kinh phí tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm để đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 là rất hạn hẹp.

### **2.2.2. Đội ngũ giáo viên**

Đội ngũ giáo viên trong nhà trường có loại hình đào tạo khác nhau cùng sinh hoạt trong một tổ chuyên môn, riêng môn Âm nhạc, Mĩ thuật chỉ có 01 giáo viên/môn nên đôi khi gặp khó khăn trong việc trao đổi chuyên sâu về chuyên môn.

Chất lượng một số môn mũi nhọn chưa cao.

### **2.2.3. Học sinh**

Chất lượng giáo dục ở một số môn đã tăng so với những năm học trước nhưng còn thấp so với tiềm năng của nhà trường. Nguyên nhân do động lực và nhu cầu học tập và sự chuyên cần của một số học sinh chưa cao; một số ít giáo viên chưa linh hoạt trong việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực vào các môn học phù hợp với đối tượng học sinh.

## **III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026**

### **1. Mục tiêu chung**

Năm học 2025-2026, trường THCS Tân Bình thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông trong bối cảnh sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp theo quy định mới. Phát huy các thành tích đã đạt được trong năm học 2024-2025, căn cứ vào bối cảnh thực tiễn của tỉnh, Sở GD&ĐT và phường Điện Biên Phủ, trường THCS Tân Bình tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp; hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao năm 2025. Phát động các phong trào thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 76 năm thành lập Đảng bộ tỉnh Điện Biên (10/10/1949-10/10/2025), 81 năm truyền thống ngành giáo dục. Triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu năm học 2025-2026 với chủ đề: "Đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng, đoàn kết kỷ cương". Tiếp tục triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện 5 nhiệm vụ chung như sau:

1. Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ khối 6 đến khối 9; triển khai dạy học 2 buổi/ngày tại đơn vị theo quy định, hướng dẫn.

2. Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, phát triển mạng lưới trường lớp, duy trì tốt các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia; bố trí đội ngũ giáo viên hợp lý;

3. Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS

4. củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục; thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị trường học; tăng cường kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; tập trung tham mưu cấp ủy địa phương đưa giáo dục nói chung và phổ thông nói riêng vào chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội các cấp với các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế.

6. Củng cố, nâng cao chất lượng giáo dục thể chất, phát triển thể thao trường học, duy trì tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, TDTT để nâng cao sức khỏe, tầm vóc, thể lực cho học sinh; chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe, y tế trường học, đảm bảo môi trường học tập an toàn, lành mạnh, phòng chống dịch bệnh hiệu quả.

### **2. Các chỉ tiêu cụ thể**

#### **2.1. Quy mô lớp, học sinh**

Tham mưu thực hiện hiệu quả việc tổ chức rà soát, sắp xếp, quy hoạch mạng lưới trường lớp theo hướng dẫn của Bộ, Sở GD&ĐT, thực hiện hiệu quả các giải pháp để bảo

đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục. Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp điều chỉnh quy mô lớp học, tăng số học sinh/lớp đảm bảo không vượt mức tối đa theo quy định, phù hợp thực tế, bảo đảm thuận lợi cho việc học của học sinh, gắn với các điều kiện nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới theo CT GDPT. Cụ thể:

| Loại học sinh           | Tổng số | Chia ra |       |       |       |
|-------------------------|---------|---------|-------|-------|-------|
|                         |         | Lớp 6   | Lớp 7 | Lớp 8 | Lớp 9 |
| <b>Tổng số lớp</b>      | 26      | 7       | 6     | 8     | 5     |
| <b>Tổng số học sinh</b> | 1041    | 277     | 243   | 314   | 207   |
| Trong TS: + Nữ          | 483     | 140     | 104   | 151   | 88    |
| + Dân tộc               | 101     | 22      | 16    | 40    | 23    |
| + Nữ dân tộc            | 49      | 14      | 5     | 18    | 12    |
| + HS khuyết tật         | 6       | 2       | 3     | 1     | 0     |

## 2.2. Chất lượng giáo dục

### - Chất lượng về hai mặt giáo dục:

+ Học tập: Tốt: 485/1037 chiếm 46,8%, Khá: 387/1037 chiếm 37,3%, Đạt: 165/1037 chiếm 15,9%.

+ Kết quả rèn luyện: Tốt: 1008/1037 đạt tỉ lệ 97,2%; Khá 27/1037 đạt tỉ lệ 2,6%; Đạt: 3/1037 đạt tỉ lệ 0,3%.

+ Học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%; tỷ lệ học sinh chuyển lớp 100%. (đảm bảo theo chỉ tiêu kế hoạch giao).

+ Tỷ lệ học sinh chuyển lớp 100%, tốt nghiệp THCS 100%. Tỷ lệ học sinh thi đỗ các trường THPT, PTDTNT là 206/207 chiếm tỷ lệ 99,5%, đi học nghề: 1/207 chiếm tỷ lệ 4,5%. Riêng học sinh thi đỗ trường chuyên Lê Quý Đôn 58/207 chiếm 28,0% so với tổng số học sinh toàn khối. Là 1 trong những trường được xếp vào top đầu trường trong toàn tỉnh có điểm thi tuyển sinh THPT cao nhất tỉnh.

### - Chất lượng các cuộc thi:

+ Học sinh giỏi các môn văn hóa khối 9 cấp trường đạt 32% trở lên; Giao lưu Olympic khối 6,7,8 cấp trường đạt 35% trở lên

+ Cuộc thi Toán tiếng việt qua mạng, Tiếng Anh qua mạng các cấp: Khuyến khích học sinh tham gia.

+ NCKHKT: cấp phường tham gia đạt 02 giải; cấp tỉnh đạt 01 giải

+ Tham gia đầy đủ, chất lượng các cuộc thi, hội thi do các cấp tổ chức.

## 2.3. Chất lượng đội ngũ

\* *Kết quả đánh giá xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp đối với cán bộ quản lý, giáo viên:*

Phần đầu năm học 2025 – 2026 xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp đối với cán bộ quản lý đạt loại tốt: 03/03 = 100%. Đối với cán bộ giáo viên: Loại tốt 30/46 đạt 65,2%; Loại khá 16/46 đạt 34,8%.

\* *Kết quả thi giáo viên giỏi các cấp*

Giáo viên dạy giỏi cấp trường: 46/46=100%; Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên tham gia giáo viên dạy giỏi các cấp đạt từ 40% trở lên

## 2.4. Cơ sở vật chất

Có giải pháp quyết liệt, kiên trì tham mưu hiệu quả các cấp thực hiện bố trí, bảo đảm nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu để triển khai hiệu quả

CTGDPT theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024; Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024.

## **2.5. Công tác phổ cập giáo dục**

- Tổng số trẻ hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học năm qua vào học lớp 6: đạt tỉ lệ 100%. Tổng số trẻ 11-14 tuổi học THCS đạt tỉ lệ 100%.
- Tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 tốt nghiệp THCS đạt tỉ lệ 99.7% trở lên.
- Tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 đã và đang học chương trình GDPT hoặc GDTX cấp THPT và tương đương đạt tỉ lệ 99.7% trở lên.
- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11-15 tuổi trên địa bàn có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục đạt tỉ lệ 100%.
- Giữ vững phường đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3

## **2.6. Công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục và thẩm định trường chuẩn quốc gia**

Tự rà soát, đánh giá các tiêu chí theo hướng dẫn tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; số 22/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Xây dựng và thực hiện Kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm duy trì và đảm bảo các tiêu chí trường chuẩn Quốc gia mức độ I, trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 giai đoạn 2023-2028.

## **2.7. Thi đua khen thưởng**

### **Tập thể:**

- Tập thể nhà trường: đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến
- Tập thể nhà trường: đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc.

### **Cá nhân:**

- Chiến sỹ thi đua cơ sở: 12 đồng chí
- Lao động Tiên tiến: 55/55 đồng chí

### **Tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng:**

- Tập thể nhà trường: Đề nghị UBND phường tặng giấy khen
- Cá nhân: + UBND tỉnh tặng Bằng khen: 02 cá nhân
- + UBND phường tặng Giấy khen: 11 cá nhân

## **IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

### **1. Khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026**

Thực hiện theo Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên, Cụ thể:

| Các hoạt động giáo dục |               | Thời gian thực hiện |
|------------------------|---------------|---------------------|
| Ngày tựu trường        |               | 29/8/2025           |
| Ngày khai giảng        |               | 05/9/2025           |
| Học kì 1(19 tuần)      | Ngày bắt đầu  | 08/9/2025           |
|                        | Ngày kết thúc | 15/1/2026           |
| Học kì II 9 (18 tuần)  | Ngày bắt đầu  | 19/01/2026          |
|                        | Ngày kết thúc | 20/5/ 2026          |
| Ngày kết thúc năm học  |               | 31/5/2026           |

- Có đủ thời lượng dành cho luyện tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành, tổ chức hoạt động trải nghiệm và kiểm tra định kỳ. Cân đối nội dung dạy học trên lớp, ngoài lớp phù hợp đối tượng học sinh theo hướng tăng cường phẩm chất và năng lực.

- Xét công nhận TNTHCS trước ngày 15/6/2026: Dự kiến 16-17/05/2026

+ Kết thúc năm học trước ngày 31/5/2026.

- Hoàn thành tuyển sinh lớp 6 năm học 2026-2027: trước 31/07/2026.

- Nghỉ tết nguyên đán: Theo kế hoạch

Thời gian biểu hằng ngày

| Tiết              | Thời gian ra, vào lớp |             |
|-------------------|-----------------------|-------------|
|                   | Mùa hè                | Mùa đông    |
| <b>Buổi sáng</b>  |                       |             |
| <b>Tiết 1</b>     | 7h00- 7h45            | 7h15- 8h00  |
| <b>Tiết 2</b>     | 7h50- 8h35            | 8h5- 8h50   |
| <b>Tiết 3</b>     | 8h45- 9h30            | 9h00- 9h45  |
| <b>Tiết 4</b>     | 9h35- 10h20           | 9h50- 10h35 |
| <b>Buổi chiều</b> |                       |             |
| <b>Tiết 1</b>     | 14h – 14h45           |             |
| <b>Tiết 2</b>     | 14h50- 15h35          |             |
| <b>Tiết 3</b>     | 15h40 – 4h25          |             |

### Thời gian học 2 buổi/ngày

| STT      | Buổi         | Thứ    |        |        |        |        |
|----------|--------------|--------|--------|--------|--------|--------|
|          |              | 2      | 3      | 4      | 5      | 6      |
| <b>1</b> | <b>Sáng</b>  | Buổi 1 | Buổi 1 | Buổi 1 | Buổi 1 | Buổi 1 |
| <b>2</b> | <b>Chiều</b> | Buổi 1 | Buổi 1 | Buổi 1 | Buổi 2 | Buổi 2 |

## 2. Khung kế hoạch phân phối thời gian thực hiện chương trình môn học và hoạt động giáo dục năm học 2025-2026

| STT | Môn học     | Số tiết từng môn của lớp 6 |     |            | Số tiết từng môn của lớp 7 |     |            | Số tiết từng môn của lớp 8 |     |            | Số tiết từng môn của lớp 9 |     |     |
|-----|-------------|----------------------------|-----|------------|----------------------------|-----|------------|----------------------------|-----|------------|----------------------------|-----|-----|
|     |             | HK1                        | HK2 | CN         | HK1                        | HK2 | CN         | HK1                        | HK2 | CN         | HK1                        | HK2 | CN  |
| 1   | Ngữ Văn     | 72                         | 68  | <b>140</b> | 72                         | 68  | <b>140</b> | 72                         | 68  | <b>140</b> | 72                         | 68  | 140 |
| 2   | Toán        | 72                         | 68  | <b>140</b> | 72                         | 68  | <b>140</b> | 72                         | 68  | <b>140</b> | 72                         | 68  | 140 |
| 3   | Tiếng Anh   | 54                         | 51  | <b>105</b> | 54                         | 51  | <b>105</b> | 54                         | 51  | <b>105</b> | 54                         | 51  | 105 |
| 4   | <b>KHTN</b> | 72                         | 68  | <b>140</b> | 72                         | 68  | <b>140</b> | 72                         | 68  | <b>140</b> | 72                         | 68  |     |

|                              |                               |                                         |            |             |                                         |            |             |                                            |            |             |                                            |            |             |
|------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------|------------|-------------|-----------------------------------------|------------|-------------|--------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------------------------|------------|-------------|
|                              | (Lí, Hóa, Sinh)               |                                         |            |             |                                         |            |             |                                            |            |             |                                            |            | <b>140</b>  |
| 5                            | <b>LS&amp;ĐL</b><br>(Sử, Địa) | 53                                      | 52         | <b>105</b>  | 53                                      | 52         | <b>105</b>  | 53                                         | 52         | <b>105</b>  | 53                                         | 52         | 105         |
| 6                            | Tin                           | 18                                      | 17         | <b>35</b>   | 18                                      | 17         | <b>35</b>   | 18                                         | 17         | <b>35</b>   | 18                                         | 17         | <b>35</b>   |
| 7                            | Công nghệ                     | 18                                      | 17         | <b>35</b>   | 18                                      | 17         | <b>35</b>   | 34                                         | 18         | <b>52</b>   | 34                                         | 18         | <b>52</b>   |
| 8                            | GDCD                          | 18                                      | 17         | <b>35</b>   | 18                                      | 17         | <b>35</b>   | 18                                         | 17         | <b>35</b>   | 18                                         | 17         | <b>35</b>   |
| 9                            | GDTC                          | 36                                      | 34         | <b>70</b>   | 36                                      | 34         | <b>70</b>   | 36                                         | 34         | <b>70</b>   | 36                                         | 34         | <b>70</b>   |
| 10                           | Mĩ thuật                      | 18                                      | 17         | <b>35</b>   | 18                                      | 17         | <b>35</b>   | 18                                         | 17         | <b>35</b>   | 18                                         | 17         | <b>35</b>   |
| 11                           | Âm nhạc                       | 18                                      | 17         | <b>35</b>   | 18                                      | 17         | <b>35</b>   | 18                                         | 17         | <b>35</b>   | 18                                         | 17         | <b>35</b>   |
| 12                           | <b>HĐTN – HN trong đó:</b>    |                                         |            | <b>105</b>  |                                         |            | <b>105</b>  |                                            |            | <b>105</b>  |                                            |            | <b>105</b>  |
|                              | HĐ định hướng                 | 12                                      | 13         | <b>25</b>   | 11                                      | 12         | <b>23</b>   | 10                                         | 11         | <b>21</b>   | 13                                         | 12         | <b>25</b>   |
|                              | HĐGD theo chủ đề              | 29                                      | 24         | <b>53</b>   | 32                                      | 27         | <b>59</b>   | 34                                         | 29         | <b>63</b>   | 26                                         | 28         | <b>54</b>   |
|                              | Phản hồi kết quả vận dụng     | 13                                      | 14         | <b>27</b>   | 11                                      | 12         | <b>23</b>   | 10                                         | 11         | <b>21</b>   | 14                                         | 12         | <b>26</b>   |
| 13                           | Giáo dục Địa phương           | 18                                      | 17         | <b>35</b>   | 18                                      | 17         | <b>35</b>   | 18                                         | 17         | <b>35</b>   | 18                                         | 17         | <b>35</b>   |
| Tổng số Tiết                 |                               | <b>522</b>                              | <b>493</b> | <b>1015</b> | <b>522</b>                              | <b>493</b> | <b>1015</b> | <b>539</b>                                 | <b>493</b> | <b>1032</b> | <b>539</b>                                 | <b>493</b> | <b>1032</b> |
| Số tiết/tuần<br>(Cả năm học) |                               | <b>1015/35 = 29</b><br><b>tiết/tuần</b> |            |             | <b>1015/35 = 29</b><br><b>tiết/tuần</b> |            |             | <b>1032/35 = 29,5</b><br><b>tiết/ tuần</b> |            |             | <b>1032/35 = 29,5</b><br><b>tiết/ tuần</b> |            |             |

### 3. Chương trình các môn học/ HĐGD đối với lớp 6,7,8,9

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT, Thông tư số 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021 của Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình GDPT; Công văn: số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021-2022; số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình; số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GDĐT về việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Chương trình giáo dục địa phương: Sử dụng tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

### 4. Kế hoạch dạy học các môn học/hoạt động giáo dục

#### 4.1. Kế hoạch dạy học các môn học

Kế hoạch dạy học các môn học/ hoạt động giáo dục của các tổ chuyên môn, giáo viên theo khối lớp (Có phụ lục 1, phụ lục 2, phụ lục 3 kèm theo công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020) đính kèm.

#### 4.2. Cách tổ chức triển khai một số môn học, hoạt động giáo dục

Thực hiện theo công văn 1496/BGDĐT-GDTrH, ngày 19/4/2022; 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xây dựng kế hoạch dạy học các môn học KHTN, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Công văn số 1070/SGDĐT-GDTrH, ngày 23/4/2024 về việc hướng dẫn thực hiện công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xây dựng kế hoạch dạy học các môn học KHTN, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

#### 4.2.1. Môn Lịch sử và Địa lý

Chương trình môn Lịch sử và Địa lý bao gồm phân môn Lịch sử và phân môn Địa lý, mỗi phân môn được thiết kế theo mạch nội dung riêng, trong đó nhiều nội dung dạy học liên quan được bố trí gần nhau để hỗ trợ nhau; nội dung Lịch sử tích hợp trong những phần phù hợp của nội dung Địa lý và nội dung Địa lý tích hợp trong những phần phù hợp của nội dung Lịch sử. Căn cứ tình hình đội ngũ giáo viên của nhà trường, kế hoạch dạy học môn học được xây dựng theo từng phân môn Lịch sử và phân môn Địa lý, các phân môn được bố trí dạy học đồng thời trong từng học kì phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường

##### *Phương án thực hiện chương trình*

| <b>Tuần</b>                                              | <b>LỊCH SỬ</b><br>(Số tiết/tuần) | <b>ĐỊA LÝ</b><br>(Số tiết/tuần) | <b>Điều chỉnh</b><br>Số tiết/tuần |
|----------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|
| <b>Lớp 6 (105 tiết: Lịch sử 53 tiết, địa lý 52 tiết)</b> |                                  |                                 |                                   |
| <b>HK I</b>                                              | <b>27 tiết</b>                   | <b>27 tiết</b>                  |                                   |
| Tuần 1-4                                                 | 2                                | 1                               |                                   |
| Tuần 5-8                                                 | 1                                | 2                               |                                   |
| Tuần 9-12                                                | 2                                | 1                               |                                   |
| Tuần 13-16                                               | 1                                | 2                               |                                   |
| Tuần 17                                                  | 1                                | 2                               |                                   |
| Tuần 18                                                  | 2                                | 1                               |                                   |
| <b>HK II</b>                                             | <b>26 tiết</b>                   | <b>25 tiết</b>                  |                                   |
| Tuần 19-22                                               | 2                                | 1                               |                                   |
| Tuần 23-26                                               | 1                                | 2                               |                                   |
| Tuần 27-30                                               | 2                                | 1                               |                                   |
| Tuần 31-34                                               | 1                                | 2                               |                                   |
| Tuần 35                                                  | 2                                | 1                               |                                   |
| <b>Lớp 7 (105 tiết: Lịch sử 53 tiết, địa lý 52 tiết)</b> |                                  |                                 |                                   |
| <b>HK I</b>                                              | <b>27 tiết</b>                   | <b>27 tiết</b>                  |                                   |
| Tuần 1-4                                                 | 1                                | 2                               |                                   |
| Tuần 5-8                                                 | 2                                | 1                               |                                   |
| Tuần 9-12                                                | 1                                | 2                               |                                   |
| Tuần 13-16                                               | 2                                | 1                               |                                   |
| Tuần 17                                                  | 2                                | 1                               |                                   |
| Tuần 18                                                  | 1                                | 2                               |                                   |
| <b>HK II</b>                                             | <b>26 tiết</b>                   | <b>25 tiết</b>                  |                                   |
| Tuần 19-22                                               | 1                                | 2                               |                                   |
| Tuần 23-26                                               | 2                                | 1                               |                                   |
| Tuần 27-30                                               | 1                                | 2                               |                                   |
| Tuần 31-34                                               | 2                                | 1                               |                                   |
| Tuần 35                                                  | 2                                | 1                               |                                   |

| <b>Lớp 8 (105 tiết: Lịch sử 53 tiết, địa lý 52 tiết)</b> |                |                |  |
|----------------------------------------------------------|----------------|----------------|--|
| <b>HK I</b>                                              | <b>27 tiết</b> | <b>27 tiết</b> |  |
| Tuần 1-4                                                 | 2              | 1              |  |
| Tuần 5-8                                                 | 1              | 2              |  |
| Tuần 9-12                                                | 2              | 1              |  |
| Tuần 13-16                                               | 1              | 2              |  |
| Tuần 17                                                  | 1              | 2              |  |
| Tuần 18                                                  | 2              | 1              |  |
| <b>HK II</b>                                             | <b>26 tiết</b> | <b>25 tiết</b> |  |
| Tuần 19-22                                               | 2              | 1              |  |
| Tuần 23-26                                               | 1              | 2              |  |
| Tuần 27-30                                               | 2              | 1              |  |
| Tuần 31-34                                               | 1              | 2              |  |
| Tuần 35                                                  | 2              | 1              |  |
| <b>Lớp 9 (105 tiết: Lịch sử 53 tiết, địa lý 52 tiết)</b> |                |                |  |
| <b>HKI</b>                                               | <b>27 tiết</b> | <b>27 tiết</b> |  |
| Tuần 1-4                                                 | 1              | 2              |  |
| Tuần 5-8                                                 | 2              | 1              |  |
| Tuần 9-12                                                | 1              | 2              |  |
| Tuần 13-16                                               | 2              | 1              |  |
| Tuần 17                                                  | 2              | 1              |  |
| Tuần 18                                                  | 1              | 2              |  |
| <b>HKII</b>                                              | <b>26 tiết</b> | <b>25 tiết</b> |  |
| Tuần 19-22                                               | 1              | 2              |  |
| Tuần 23-26                                               | 2              | 1              |  |
| Tuần 27-30                                               | 1              | 2              |  |
| Tuần 31-34                                               | 2              | 1              |  |
| Tuần 35                                                  | 2              | 1              |  |

#### 4.2.2 Môn Khoa học tự nhiên (KHTN)

Chương trình môn KHTN các chủ đề được sắp xếp chủ yếu theo logic tuyến tính, có kết hợp ở mức độ nhất định với cấu trúc đồng tâm, đồng thời có một số chủ đề liên môn, tích hợp nhằm hình thành các nguyên lý, quy luật chung của thế giới tự nhiên. Căn cứ vào tình hình đội ngũ giáo viên nhà trường, bố trí dạy môn KHTN 6,7,8,9 được bố trí dạy theo từng chủ đề do 2-3 giáo viên đảm nhận dạy theo hình thức song song cả 3 chủ đề

Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học; giáo viên dạy học nội dung nào thực hiện việc kiểm tra, đánh giá đối với nội dung đó. Phân công giáo viên chủ trì phụ trách môn học ở mỗi lớp phối hợp với các giáo viên cùng dạy học môn học ở lớp đó để thống nhất điểm đánh giá thường xuyên, bảo đảm số điểm đánh giá theo quy định, tổng hợp điểm, ghi điểm, nhận xét vào sổ theo dõi, đánh giá học sinh và học bạ. Ma trận, nội dung bài kiểm tra định kì được xây dựng phù hợp với nội dung và thời lượng dạy học của chương trình đến thời điểm kiểm tra.

#### *Phương án thực hiện chương trình*

| <b>TUẦN</b>                                                                     | <b>HÓA HỌC</b><br>(Số tiết/tuần) | <b>VẬT LÝ</b><br>(Số tiết/tuần) | <b>SINH HỌC</b><br>(Số tiết/tuần) |
|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|
| <b>Lớp 6 (Tổng 140 tiết: Hóa học 35 tiết; Vật lý 52 tiết; Sinh học 53 tiết)</b> |                                  |                                 |                                   |

| <b>HK I</b>                                                                      | <b>18 tiết</b> | <b>28 tiết</b> | <b>26 tiết</b> |
|----------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| Tuần 1 -8                                                                        | 1              | 1              | 2              |
| Tuần 9-14                                                                        | 1              | 2              | 1              |
| Tuần 15                                                                          | 2              | 1              | 1              |
| Tuần 16-17                                                                       | 1              | 2              | 1              |
| Tuần 18                                                                          | 0              | 3              | 1              |
| <b>HK II</b>                                                                     | <b>17 tiết</b> | <b>24 tiết</b> | <b>27 tiết</b> |
| Tuần 19-27                                                                       | 1              | 1              | 2              |
| Tuần 28-35                                                                       | 1              | 2              | 1              |
| <b>Lớp 7 (Tổng 140 tiết: Hóa học 35 tiết; Vật lí 52 tiết; Sinh học 53 tiết)</b>  |                |                |                |
| <b>HK I</b>                                                                      | <b>18 tiết</b> | <b>24 tiết</b> | <b>28 tiết</b> |
| Tuần 1 - 8                                                                       | 1              | 2              | 1              |
| Tuần 9                                                                           | 2              | 0              | 2              |
| Tuần 10 -14                                                                      | 1              | 1              | 2              |
| Tuần 15                                                                          | 2              | 0              | 2              |
| Tuần 16                                                                          | 0              | 2              | 2              |
| Tuần 17-18                                                                       | 1              | 1              | 2              |
| <b>HK II</b>                                                                     | <b>17 tiết</b> | <b>34 tiết</b> | <b>17 tiết</b> |
| Tuần 19-25                                                                       | 1              | 2              | 1              |
| Tuần 26                                                                          | 2              | 2              | 0              |
| Tuần 27                                                                          | 0              | 2              | 2              |
| Tuần 28-32                                                                       | 1              | 2              | 1              |
| Tuần 33                                                                          | 2              | 2              | 0              |
| Tuần 34                                                                          | 0              | 2              | 2              |
| Tuần 35                                                                          | 1              | 2              | 1              |
| <b>Lớp 8 (Tổng 140 tiết: Hóa học 49 tiết ; Vật lí 44 tiết, Sinh học 47 tiết)</b> |                |                |                |
| <b>HK I</b>                                                                      | <b>25 tiết</b> | <b>23 tiết</b> | <b>24 tiết</b> |
| Tuần 1 -5                                                                        | 1              | 2              | 1              |
| Tuần 6                                                                           | 1              | 1              | 2              |
| Tuần 7-13                                                                        | 2              | 1              | 1              |
| Tuần 14 -15                                                                      | 1              | 1              | 2              |
| Tuần 16                                                                          | 1              | 1              | 2              |
| Tuần 17-18                                                                       | 1              | 1              | 2              |
| <b>HK II</b>                                                                     | <b>24 tiết</b> | <b>21 tiết</b> | <b>23 tiết</b> |
| Tuần 19-22                                                                       | 1              | 2              | 1              |
| Tuần 23 -29                                                                      | 2              | 1              | 1              |
| Tuần 30 -35                                                                      | 1              | 1              | 2              |
| <b>Lớp 9 (Tổng 140 tiết: Hóa học 58 tiết ; Vật lí 47 tiết, Sinh học 35 tiết)</b> |                |                |                |
| <b>HK I</b>                                                                      | <b>28 tiết</b> | <b>26 tiết</b> | <b>18 tiết</b> |
| Tuần 1 -8                                                                        | 1              | 2              | 1              |
| Tuần 9-18                                                                        | 2              | 1              | 1              |
| <b>HK II</b>                                                                     | <b>30 tiết</b> | <b>21 tiết</b> | <b>17 tiết</b> |

|              |   |   |   |
|--------------|---|---|---|
| Tuần 19-31   | 2 | 1 | 1 |
| Tuần 32 - 35 | 1 | 2 | 1 |

### 4.2.3. Môn Hoạt động Trải nghiệm – Hướng nghiệp

Kế hoạch tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được xây dựng theo từng chủ đề; giáo viên được phân công đảm nhận chủ đề tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung, phương pháp, hình thức hoạt động, tổ chức cho học sinh luyện tập, thực hành trải nghiệm theo yêu cầu của chương trình và tổ chức cho học sinh báo cáo, thảo luận, đánh giá về kết quả thực hiện.

Giáo viên tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung, phương pháp và hình thức trải nghiệm trước khi thực hiện hoạt động trải nghiệm theo yêu cầu cần đạt của chủ đề. Đối với việc thực hiện hoạt động trải nghiệm, giáo viên tổ chức cho học sinh thực hành, rèn luyện và vận dụng theo nội dung, phương pháp, hình thức hoạt động đã được hướng dẫn với yêu cầu cụ thể về sản phẩm mà học sinh phải hoàn thành. Quá trình trải nghiệm có thể là hoạt động của cá nhân, nhóm nhỏ hoặc nhóm lớn, ở các không gian khác nhau trong và ngoài lớp học, trong và ngoài nhà trường tùy theo nội dung và tính chất của hoạt động. Trong quá trình học sinh thực hành trải nghiệm, giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra quá trình thực hiện của học sinh.

Việc kiểm tra đánh giá: Thực hiện đánh giá thường xuyên và định kì. Nội dung đánh giá định kì xây dựng phù hợp với nội dung và thời lượng thực hiện chương trình đến thời điểm đánh giá. Sử dụng linh hoạt hình thức kiểm tra để đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình; trong đó chú trọng đánh giá thông qua sản phẩm hoạt động trải nghiệm của học sinh.

#### ***Phương án thực hiện chương trình:***

Tổng số: 105 tiết (gồm các nội dung: HĐ định hướng; HĐGD theo chủ đề; Phản hồi KQ vận dụng).

#### **\* Khung chương trình môn HĐTN-HN**

- *Khung phân phối thời gian thực hiện hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp lớp 6*

| Tổng số tiết (105 tiết)                    | HĐ định hướng (25 tiết) | HĐGD theo chủ đề (54 tiết) | Phản hồi KQ vận dụng (26 tiết) |
|--------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|--------------------------------|
| Hoạt động hướng vào bản thân(40%- 42 tiết) | 8                       | 26                         | 8                              |
| Hoạt động hướng đến xã hội(25% - 27 tiết)  | 9                       | 9                          | 9                              |
| Hoạt động hướng đến tự nhiên(15%- 15 tiết) | 3                       | 9                          | 3                              |
| Hoạt động hướng nghiệp(20% - 21 tiết)      | 5                       | 10                         | 6                              |

- *Khung phân phối thời gian thực hiện hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp lớp 7*

| Tổng số tiết (105 tiết)                    | HĐ định hướng (25 tiết) | HĐGD theo chủ đề (54 tiết) | Phản hồi KQ vận dụng (26 tiết) |
|--------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|--------------------------------|
| Hoạt động hướng vào bản thân(40%- 42 tiết) | 8                       | 26                         | 8                              |
| Hoạt động hướng đến xã hội(25% - 27 tiết)  | 8                       | 11                         | 8                              |
| Hoạt động hướng đến tự nhiên(15%- 15 tiết) | 2                       | 11                         | 2                              |
| Hoạt động hướng nghiệp(20% - 21 tiết)      | 5                       | 11                         | 5                              |

- Khung phân phối thời gian thực hiện hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp lớp 8

| Tổng số tiết (105 tiết)                    | HD định hướng (25 tiết) | HDGD theo chủ đề (54 tiết) | Phản hồi KQ vận dụng (26 tiết) |
|--------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|--------------------------------|
| Hoạt động hướng vào bản thân(40%- 42 tiết) | 8                       | 27                         | 7                              |
| Hoạt động hướng đến xã hội(25% - 27 tiết)  | 6                       | 15                         | 6                              |
| Hoạt động hướng đến tự nhiên(15%- 15 tiết) | 3                       | 10                         | 2                              |
| Hoạt động hướng nghiệp(20% - 21 tiết)      | 5                       | 11                         | 5                              |

- Khung phân phối thời gian thực hiện hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp lớp 9

| Tổng số tiết (105 tiết)                     | HD định hướng (25 tiết) | HDGD theo chủ đề (54 tiết) | Phản hồi KQ vận dụng (26 tiết) |
|---------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|--------------------------------|
| Hoạt động hướng vào bản thân (40%- 42 tiết) | 10                      | 22                         | 10                             |
| Hoạt động hướng đến xã hội (25% - 27 tiết)  | 14                      | 10                         | 9                              |
| Hoạt động hướng đến tự nhiên (15%- 15 tiết) | 2                       | 11                         | 2                              |
| Hoạt động hướng nghiệp (20% - 21 tiết)      | 5                       | 11                         | 5                              |

\* Các hoạt động trải nghiệm theo chủ đề (có kế hoạch giáo dục môn học đính kèm)

#### 4.2.4. Đối với môn giáo dục địa phương:

Thực hiện theo QĐ số 1672/QĐ-SGDĐT ngày 8/2/2021 của Sở GD-ĐT về việc Ban hành khung nội dung Tài liệu Giáo dục địa phương cấp THCS trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 tỉnh Điện Biên, cụ thể như sau:

Tổ chức dạy học chương trình giáo dục địa phương 1 tiết/tuần

Hình thức tổ chức dạy học: Dạy trên lớp, dạy học trải nghiệm.

Nội dung: Dạy những vấn đề cơ bản về văn hóa, lịch sử, địa lý, Chính trị xã hội, môi trường, Kinh tế hướng nghiệp của địa phương.

Tài liệu dạy học: Sử dụng tài liệu của tỉnh Điện Biên

*Phương án thực hiện*

| Nội dung giáo dục địa phương khối 6/Lĩnh vực | Số tiết   | Số tiết thực hiện | Tổ CM phụ trách   |
|----------------------------------------------|-----------|-------------------|-------------------|
| <b>Kỳ 1</b>                                  | <b>18</b> | <b>18</b>         |                   |
| Văn hoá                                      | 7         | 7                 | Ngữ văn-LSDL-GDCD |
| Lịch sử                                      | 8         | 8                 | Ngữ văn-LSDL-GDCD |
| Chính trị xã hội                             | 3         | 3                 | Ngữ văn-LSDL-GDCD |
| <b>Kỳ 2</b>                                  | <b>17</b> | <b>17</b>         |                   |
| Địa lí                                       | 5         | 5                 | Ngữ văn-LSDL-GDCD |
| Kinh tế hướng nghiệp                         | 7         | 7                 | Toán-KHTN-CN      |
| Môi trường                                   | 5         | 5                 | Toán-KHTN-CN      |
| Nội dung giáo dục địa phương khối 7/Lĩnh vực | Số tiết   | Số tiết thực hiện | Tổ CM phụ trách   |
| <b>Kỳ 1</b>                                  | <b>18</b> | <b>18</b>         |                   |
| Văn hoá                                      | 7         | 7                 | Ngữ văn-LSDL-GDCD |
| Lịch sử                                      | 8         | 8                 | Ngữ văn-LSDL-GDCD |
| Chính trị xã hội                             | 3         | 3                 | Ngữ văn-LSDL-GDCD |
| <b>Kỳ 2</b>                                  | <b>17</b> | <b>17</b>         |                   |

|                                                     |                |                          |                        |
|-----------------------------------------------------|----------------|--------------------------|------------------------|
| Địa lí                                              | 5              | 5                        | Ngữ văn-LSĐL-GDCD      |
| Kinh tế hướng nghiệp                                | 7              | 7                        | Toán-KHTN-CN           |
| Môi trường                                          | 5              | 5                        | Toán-KHTN-CN           |
| <b>Nội dung giáo dục địa phương khối 8/Lĩnh vực</b> | <b>Số tiết</b> | <b>Số tiết thực hiện</b> | <b>Tổ CM phụ trách</b> |
| <b>Kỳ 1</b>                                         | <b>18</b>      | <b>18</b>                |                        |
| Văn hoá                                             | 7              | 7                        | Ngữ văn-LSĐL-GDCD      |
| Lịch sử                                             | 8              | 8                        | Ngữ văn-LSĐL-GDCD      |
| Chính trị xã hội                                    | 3              | 3                        | Ngữ văn-LSĐL-GDCD      |
| <b>Kỳ 2</b>                                         | <b>17</b>      | <b>17</b>                |                        |
| Địa lí                                              | 5              | 5                        | Ngữ văn-LSĐL-GDCD      |
| Kinh tế hướng nghiệp                                | 7              | 7                        | Toán-KHTN-CN           |
| Môi trường                                          | 5              | 5                        | Toán-KHTN-CN           |
| <b>Nội dung giáo dục địa phương khối 9/Lĩnh vực</b> | <b>Số tiết</b> | <b>Số tiết thực hiện</b> | <b>Tổ CM phụ trách</b> |
| <b>Kỳ 1</b>                                         | <b>18</b>      | <b>18</b>                |                        |
| Văn hoá, lịch sử truyền thống                       | 16             | 16                       | KHTN, Văn sử, GDCD     |
| Địa lí, kinh tế hướng nghiệp                        | 2              | 2                        | KHTN, Văn sử, GDCD     |
| <b>Kỳ 2</b>                                         | <b>17</b>      | <b>17</b>                |                        |
| Địa lí, kinh tế hướng nghiệp                        | 17             | 17                       | KHTN, Văn sử, GDCD     |

### **4.3. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, ngoại khóa, câu lạc bộ**

#### **4.3.1 Thực hiện chuyên đề các tổ chuyên môn**

Nội dung sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học. Tiếp tục thực hiện chuyên đề cấp tổ, tham mưu với Ban Giám hiệu nhà trường xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn cấp trường, gửi đề xuất tới cụm trường THCS Tân Bình xây dựng chuyên môn cụm trường tập trung vào những nội dung mới, khó chương trình thay sách giáo khoa lớp 6,7,8,9 bồi dưỡng giáo viên tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.

- Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn:

#### **Học kì I**

Trong tháng 9: Phối hợp với các nhóm cốt cán chuyên môn, cụm trường xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn cụm số 1 THCS. Chỉ đạo các tổ chuyên môn tham gia sinh hoạt chuyên môn cụm với tất cả các môn học trong tháng 9.

- Tháng 11/2025: Sinh hoạt chuyên môn cụm theo kế hoạch cụm

#### **Học kì II**

- Tháng 1/2026: Sinh hoạt chuyên môn cụm theo kế hoạch cụm

- Tháng 3/2026: Sinh hoạt chuyên môn cụm theo kế hoạch cụm

Thực hiện chuyên đề cấp trường, cấp tổ (Tổ trưởng):

- Thực hiện chuyên đề cấp trường, cấp tổ HDGD-NN-Tin:

| TT | Môn học | Lớp | Tên bài                    | Người thực hiện | Thời gian thực hiện |
|----|---------|-----|----------------------------|-----------------|---------------------|
| 1  | Ngoại   | 8   | Unit 2: Lesson 2: A closer | Vũ Thị Thiêm    | Tháng 9             |

|   |            |   |                                                                                      |                  |          |
|---|------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------|
|   | Ngữ        |   | look 1                                                                               |                  |          |
| 2 | Tin        | 8 | Bài 5: Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế                                 | Trần Thị Xuân    | Tháng 11 |
| 3 | Nghệ thuật | 9 | Bài 9: tỉ lệ của hình khối và đồ vật( tiết 1).                                       | Lê T. Thùy Hương | Tháng 1  |
| 4 | GDTC       | 8 | Tiết 2: Bài 1- kỹ thuật tăng cầu bằng má ngoài bàn chân. Trò chơi đội nào nhanh hơn. | Lâu Thị Mây      | Tháng 3  |

- Thực hiện chuyên đề cấp trường, cấp tổ Ngữ văn-GDCD

| TT | Môn học | Lớp | Tên bài                                                       | Người thực hiện     | Thời gian thực hiện |
|----|---------|-----|---------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
| 1  | Ngữ văn | 8C8 | Bài 1: Lá cờ thêu sáu chữ vàng                                | Phạm Thị Xuân Hương | Tháng 9             |
| 2  | Lịch sử | 7B6 | Bài 4: Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX 9(Tiết 1) | Vũ Thị Quỳnh        | Tháng 10            |
| 3  | Ngữ văn | 7B6 | Tiết 45: Văn bản Mùa xuân nho nhỏ                             | Phạm Thị Hương Sen  | Tháng 11            |
| 4  | GDCD    | 6A7 | Bài 11. Quyền cơ bản của trẻ em                               | Lý Thị Thu Hà       | Tháng 3             |

- Thực hiện chuyên đề cấp trường, cấp tổ Toán -Công nghệ

| T T | Môn học | Lớp p | Tên bài                                                                       | Người thực hiện | Thời gian thực hiện |
|-----|---------|-------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------|
| 1   | Toán    | 6     | Khai thác ứng dụng AI trong giảng dạy môn toán                                | Phan Hùng Cường | Tháng 9             |
| 2   | Toán    | 7     | Tích hợp năng lực số vào giảng dạy                                            | Hoàng Thị Tuyết | Tháng 10            |
| 3   | Toán    | 9     | Xây dựng ngân hàng đề kiểm tra qua ứng dụng AI                                | Trần Thị Chung  | Tháng 11            |
| 4   | Toán 9  | 9     | Hướng dẫn xây dựng ngân hàng câu hỏi bám sát chương trình trong ôn thi vào 10 | Lại Thị Giang   | Tháng 3             |

Thực hiện chuyên đề cấp trường, cấp tổ KHTN

| T T | Môn học     | Lớp p | Tên bài                                         | Người thực hiện    | Thời gian thực hiện |
|-----|-------------|-------|-------------------------------------------------|--------------------|---------------------|
| 1   | KHTN (lý)   | 8     | Bài 19. Đòn bẩy và ứng dụng (tiết 1)            | Đào Xuân Quỳnh     | Tháng 9             |
| 2   | KHTN (Sinh) | 8     | Bài 32. Dinh dưỡng và tiêu hoá ở người (tiết 2) | Trần Thị Thuỷ      | Tháng 10            |
| 3   | KHTN (Hoá)  | 9     | Bài 26. Ethylic alcohol (T1)                    | Nguyễn Hồng Phương | Tháng 11            |
| 4   | Địa         | 9D4   | Bài 18. Vùng Đông Nam Bộ                        | Đoàn Thị Tâm       | Tháng 3             |

|  |  |  |       |  |  |
|--|--|--|-------|--|--|
|  |  |  | (T40) |  |  |
|--|--|--|-------|--|--|

#### 4.3.2. Hoạt động giáo dục STEM-NCKHKT

##### - Hoạt động Dạy học tích hợp khoa học-công nghệ-kĩ thuật-toán (STEM)

| ST T | Tổ/Nhóm chuyên môn | Tên bài dạy, nội dung trải nghiệm                 | GV/Nhóm giáo viên            | Dạy lớp | Thời điểm thực hiện |
|------|--------------------|---------------------------------------------------|------------------------------|---------|---------------------|
| 1    | KHTN               | Bài 19. Đòn bẩy và ứng dụng (tiết 4)              | Hà Thị Duyên, Đào Xuân Quỳnh | 8       | Tuần 5              |
| 2    | Công nghệ          | Cắt, ghép cảnh                                    | Bùi Thị Dung                 | 9       | Tuần                |
| 3    | KHTN               | Tiết 93 : Base thang pH                           | Nguyễn Quyết Thắng           | 8       | Tuần 24             |
| 4    | Toán               | Phương trình bậc nhất một ẩn                      | Chu Nhân – Đỗ Thảo           | 8       | Tuần                |
| 5    | Toán               | Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều. | Nguyễn Hằng                  |         | Tuần                |
| 6    | Công nghệ          | Mặt cắt                                           | Vũ Thị Sáu                   | 8       | Tuần                |

##### - Đề tài/dự án nghiên cứu khoa học, kĩ thuật

Nghiên cứu khoa học của học sinh giúp học sinh củng cố, tổng hợp, nâng cao kiến thức đã học, làm quen với các phương pháp tư duy và nghiên cứu khoa học; tạo điều kiện để học sinh đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu những vấn đề cụ thể mà chuyên môn đặt ra. Nâng cao chất lượng giáo dục, phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ. Vận dụng kiến thức đã học và phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết một số vấn đề khoa học gắn với thực tiễn.

Trong năm học 2025-2026 tổ chuyên môn hướng dẫn học sinh nghiên cứu 04 sản phẩm KHKHKT.

| T T | Tên dự án                                                                                                                                                                             | Lĩnh vực dự thi          | ĐT thí sinh/dự án        | Họ tên thí sinh                    | Giáo viên hướng dẫn |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------------------|---------------------|
| 1   | BIOPLASTIC tan trong nước được chế tạo từ hấp thụ CO <sub>2</sub> ô nhiễm và tận dụng phụ phẩm nông nghiệp - sản phẩm xanh thay thế Nylon và ứng dụng trong đồ dùng học tập, giải trí | Hóa - Sinh               | 0948249989               | Hà Minh Đức 8C7, Bùi Bình Minh 8C7 | Nguyễn Thị Dung     |
| 2   | Giải pháp thực hành trí tuệ cảm xúc (EQ) cho học sinh trường                                                                                                                          | Lĩnh vực khoa học xã hội | 0978721599<br>0944741279 | Nguyễn Ngân Thảo Đan               | Phạm Thị Hoa        |

|   |                                                                                           |          |            |                                             |                 |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------|---------------------------------------------|-----------------|
|   | THCS Tân Bình                                                                             | hành vi. |            | Phạm<br>Phương Anh                          |                 |
| 3 | Nâng cao nhận thức và hình thành kỹ năng phòng, chống lừa đảo trên không gian mạng cho HS | Hành vi  | 0392811346 | Phạm Huy<br>Đức 8C8<br>Đào Tùng<br>Linh 8C8 | Phạm Thị<br>Lan |

#### 4.3.3. Công tác tư vấn tâm lý cho học sinh

Tiếp tục thực hiện tốt công tác tư vấn tâm lý cho học sinh tại đơn vị theo Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 của Bộ GD&ĐT; Văn bản số 376/SGDĐT-GDTrH ngày 6/03/2018 và Văn bản số 56/SGDĐT-GDTrH ngày 09/01/2019 của Sở GD&ĐT. Định hướng giáo dục cho học sinh có khó khăn về tâm lý, tình cảm, những bức xúc của lứa tuổi, những vướng mắc trong học tập, sinh hoạt,... hoặc những khó khăn học sinh, cha mẹ học sinh gặp phải trong quá trình học tập và sinh hoạt. Góp phần ổn định đời sống tâm hồn, tình cảm và giúp học sinh thực hiện được nguyện vọng và ước mơ của mình.

Phòng ngừa, hỗ trợ can thiệp kịp thời, có hướng giải quyết phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực có thể xảy ra; góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn lành mạnh, thân thiện và phòng chống bạo lực học đường, xâm hại tình dục trẻ em.

Hỗ trợ và đưa ra các giải pháp nhằm giúp học sinh rèn kỹ năng sống; tăng cường ý chí, niềm tin, bản lĩnh, thái độ ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ xã hội; rèn luyện sức khỏe, thể chất và tinh thần, góp phần xây dựng và hoàn thiện nhân cách.

Nội dung tư vấn tâm lý học đường tập trung vào các vấn đề sau:

1. Tư vấn tâm lý lứa tuổi, giới tính, hôn nhân, gia đình, sức khỏe sinh sản vị thành niên phù hợp với lứa tuổi.
2. Tư vấn, giáo dục kỹ năng, biện pháp ứng xử văn hóa, phòng chống bạo lực, xâm hại và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.
3. Tư vấn tăng cường khả năng ứng phó, giải quyết vấn đề phát sinh trong mối quan hệ gia đình, thầy cô, bạn bè và các mối quan hệ xã hội khác.
4. Tư vấn kỹ năng, phương pháp học tập hiệu quả và định hướng nghề nghiệp.
5. Tham vấn tâm lý đối với HS gặp khó khăn cần hỗ trợ, can thiệp, giải quyết kịp thời. Giới thiệu, hỗ trợ đưa học sinh đến các cơ sở, chuyên gia điều trị tâm lý đối với các trường hợp học sinh bị rối loạn tâm lý nằm ngoài khả năng tư vấn của nhà trường.

*(Có kế hoạch cụ thể đính kèm)*

#### 4.3.4. Chương trình tăng cường, mở rộng

Chương trình dạy học buổi 2 tổ chức ôn tập, phụ đạo học sinh chưa đạt theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông; bồi dưỡng học sinh giỏi; tổ chức ôn tập để học sinh thi vào 10; tổ chức hoạt động nghiên cứu KHKT, HĐTN, giáo dục STEM, giáo dục kỹ năng sống...

- Kế hoạch chung: Thực hiện theo Thông tư số 29 /2024/TT- BGDĐT, ngày 30/12/2024 Ban hành quy định về dạy thêm, học thêm; Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 06/05/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về Quyết định Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Công văn số 1317/SGDĐT-GDTrH, ngày 09/5/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện hoạt

động dạy thêm, học thêm; Văn bản số 4567/ BGDDT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT về hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026. Nội dung dạy buổi 2 thực hiện theo định hướng sau:

- Bám sát nội dung chương trình giáo dục phổ thông, xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đảm bảo yêu cầu tối thiểu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ; tăng cường phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

- Tổ chức phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi phù hợp với từng đối tượng học sinh; giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống; hoạt động tập thể, văn nghệ, thể thao... theo quy định của kế hoạch giáo dục, kế hoạch thời gian năm học; phát triển năng khiếu cá nhân, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

*(có kế hoạch cụ thể đính kèm )*

## **5. Kế hoạch tổ chức các hoạt động tập thể, ngoại khóa, câu lạc bộ**

### **5.1. Kế hoạch tổ chức các hoạt động tập thể**

- Sử dụng hiệu quả thời gian giáo dục ngoài giờ lên lớp, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh. Bồi dưỡng thêm về kiến thức, kỹ năng các bộ môn năng khiếu, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh giúp các em phát huy được năng khiếu của mình. Tạo niềm tin cho cha mẹ học sinh yên tâm với chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí, giao lưu, mở rộng mối quan hệ, tăng tình đoàn kết hợp tác giữa học sinh trong lớp, trong trường.

*(Có kế hoạch cụ thể kèm theo)*

### **5.2. Các hoạt động trải nghiệm ngoại khóa**

- Tổ chức tìm hiểu về các ngày truyền thống của nhà trường, các ngày lễ dành cho thầy cô, cha mẹ...

- Tổ chức cho học sinh tham quan trải nghiệm thực tế tại các di tích lịch sử trên địa bàn thành phố (Đồi A1, Bảo tàng chiến thắng, Đền thờ liệt sĩ, Tượng đài, Đồi E, D1, Hàm Đờ -cát, nghĩa trang A1).

- Đối với môn Ngoại ngữ thực hiện hoạt động trải nghiệm như: Sinh hoạt câu lạc bộ Tiếng Anh theo chủ đề 2 lần/tháng. Tham gia hoạt động liên trường trong đề án Ngoại ngữ.

- Các chương trình giao lưu, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao

- + Tham gia giải bơi, giải bóng đá truyền thống, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn... trong Hội thao truyền thống ngành GD-ĐT,...

- Căn cứ vào chủ đề năm học và các chủ điểm hàng tháng lên kế hoạch tổ chức các hoạt động nhằm tuyên truyền, giáo dục học sinh.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, các câu lạc bộ, các buổi ngoại khóa cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm một cách linh hoạt, sáng tạo phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương. Thực hiện tốt công tác phối kết hợp với các tổ chức trong và ngoài nhà trường để tổ chức có hiệu quả hoạt động giáo dục.

*(Có kế hoạch cụ thể kèm theo)*

### **5.3. Các câu lạc bộ**

#### **5.3.1. Câu lạc bộ Tiếng Anh**

- + Tổ chức 03 Hoạt động tiếng Anh chung toàn trường, hoạt động tiếng Anh liên trường 01 lần.

- + Nội dung, hình thức do nhóm bộ môn Tiếng Anh tham mưu.

*(Thực hiện theo chương trình dạy học 2 buổi/ngày).*

+ Phụ trách: Đồng chí Khăm Thủy (nhóm trưởng), Phạm Phương, Lê Hiệp, Vũ Thiêm.

### **5.3.2. Câu lạc bộ thể dục thể thao (bóng rổ, cầu lông, pickball)**

+ Tổ chức câu lạc bộ bóng rổ, cầu lông, pickball

+ Hình thức tổ chức cho học sinh tập luyện vào các chiều thứ 5,6 hàng tuần.

*(Thực hiện theo chương trình dạy học 2 buổi/ngày).*

+ Phụ trách: Đồng chí Hà Huế (nhóm trưởng), Vũ Dũng, Nguyễn Thắng, Phan Cường.

### **5.3.3. Câu lạc bộ văn hoá văn nghệ:**

+ Tổ chức câu lạc bộ văn nghệ, múa, hát, nhảy dân vũ....

+ Hình thức tổ chức cho học sinh tập luyện và biểu diễn hàng tuần trong các giờ sinh hoạt tập thể, các ngày lễ lớn trong năm học..

*(Thực hiện theo chương trình dạy học 2 buổi/ngày).*

+ Phụ trách: Đồng chí Trần Cúc (nhóm trưởng), Lầu Mây

### **5.3.4. Câu lạc bộ văn hoá đọc sách-thư viện:**

+ Tổ chức câu lạc bộ đọc sách

+ Hình thức tổ chức: Theo nhóm nhỏ định kỳ, theo chủ đề/loại sách, luân phiên thuyết trình/chia sẻ. Tổ chức ngày hội đổi sách, tặng sách.

*(Thực hiện theo chương trình dạy học 2 buổi/ngày).*

+ Phụ trách: Đồng chí Nguyễn Du, Lý Thuỷ

### **5.3.5. Câu lạc bộ Kỹ năng sống:**

+ Tổ chức câu lạc bộ kỹ năng sống

+ Hình thức tổ chức: Tổ chức hàng tuần hoặc hàng tháng. Nội dung xoay quanh một chủ đề cụ thể (giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, quản lý thời gian...). Mời chuyên gia, giáo viên hoặc học sinh có kinh nghiệm chia sẻ.

*(Thực hiện theo chương trình dạy học 2 buổi/ngày).*

+ Phụ trách: Đồng chí Lầu Mây (nhóm trưởng), Phạm Sen, Lý Hà, Hà Phương, Nguyễn Bình. Trần Hoà, Trần Xuân

### **5.3.6. Câu lạc bộ STEM – Nghiên cứu KHKT:**

+ Tổ chức câu lạc bộ STEM – Nghiên cứu KHKT

+ Hình thức tổ chức: Giới thiệu kiến thức STEM, thảo luận, làm thí nghiệm nhỏ, trình bày dự án. CLB xây dựng kế hoạch theo từng chủ đề (ví dụ: chế tạo robot, trồng rau thủy canh, làm mô hình năng lượng tái tạo). Học sinh làm việc nhóm, chia vai trò (trưởng nhóm, thiết kế, kỹ thuật, thuyết trình...). Cuối kỳ tổ chức triển lãm, báo cáo sản phẩm.

*(Thực hiện theo chương trình dạy học 2 buổi/ngày).*

+ Phụ trách: Đào Xuân Quỳnh

### **5.3.7. Câu lạc bộ Mĩ thuật**

+ Tổ chức câu lạc bộ Mĩ thuật

+ Hình thức tổ chức: Theo chuyên đề hoặc dự án. Mỗi buổi sinh hoạt là một chuyên đề: vẽ tranh phong cảnh, ký họa chân dung, vẽ truyện tranh, tranh cổ động, tranh sáng tạo theo chủ đề xã hội... Học sinh làm việc theo dự án nhóm, cuối kỳ có sản phẩm triển lãm. Kết hợp liên môn và hoạt động xã hội: Vẽ minh họa báo tường, tập san, kỷ yếu, trang trí lớp học,...

*(Thực hiện theo chương trình dạy học 2 buổi/ngày).*

+ Phụ trách: Lê Thị Thuỳ Hương

## **6. Kế hoạch huy động, bố trí và sử dụng các nguồn lực để tổ chức thực hiện, bảo đảm khả thi, chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục**

### **6.1. Nguồn lực**

- **Học sinh:** Xây dựng kế hoạch và giải pháp toàn diện về củng cố, duy trì, nâng cao kết quả đạt chuẩn PCGD đúng độ tuổi. Kịp thời rà soát, cập nhật biến động về dân số trên địa bàn, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể của phường và tổ dân phố để huy động tối đa học sinh trong độ tuổi ra lớp.

+ Người thực hiện: BGH, ban phổ cập kết hợp với giáo viên và các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường.

+ Tham mưu với chính quyền địa phương, tuyên truyền trong nhân dân vận động học sinh ra lớp, duy trì sĩ số học sinh. Thực hiện tốt công tác truyền thông về các hoạt động nhà trường nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội với các chủ trương về xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực tham gia phát triển nhà trường.

- **Đội ngũ:** Tiếp tục tham mưu đề nghị UBND phường Điện Biên Phủ kiện toàn cơ cấu bộ máy; bố trí đảm bảo đủ số lượng giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ trong năm. Bố trí phân công giáo viên, nhân viên phù hợp về chuyên môn được đào tạo, đảm bảo định mức giờ dạy, khối lượng công việc theo quy định; cân đối về khối lượng công việc giữa các giáo viên; phân công công việc và trách nhiệm rõ ràng cụ thể, tổ trưởng chuyên môn chịu trách nhiệm về công việc của tổ mình trước BGH nhà trường.

*(Có quyết định phân công nhiệm vụ kèm theo)*

+ Phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong, ngoài nhà trường, cơ quan, tổ chức liên quan, cộng đồng xã hội tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

### **6.2. Cơ sở vật chất**

Xây dựng kế hoạch kiểm tra cơ sở vật chất trường, lớp, rà soát trang thiết bị dạy học, bàn ghế, SGK, SGV,... đề nghị cấp bổ sung kịp thời; Tiếp tục xây dựng kế hoạch tham mưu với cấp trên tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tối thiểu để đảm bảo đủ số lượng, tiêu chí theo quy định.

- Lập phương án sử dụng tối ưu các phòng học học bộ môn, trang thiết bị dạy học hiện có, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ cho hoạt động dạy học, giáo dục nhà trường đạt hiệu quả;

- Tiếp tục củng cố mạng lưới trường lớp, xây dựng cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

- Xây dựng cảnh quan trường lớp, môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hiệu quả phù hợp với điều kiện của địa phương và đáp ứng nhu cầu xã hội.

### **6.3. Tài chính**

- Huy động nguồn lực tài chính, lập dự toán kinh phí để tổ chức các hoạt động giáo dục (có phụ lục kèm theo).

- Sử dụng các nguồn kinh phí được giao đúng, hiệu quả.

*(Có biểu kế hoạch vận động tài trợ kèm theo)*

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý chỉ đạo tăng cường giáo dục toàn diện cho học sinh. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý. Thực hiện tốt các chế độ chính sách cho học sinh và cán bộ giáo viên, nhân viên. Đổi mới công tác quản lý theo hướng tự chủ, linh hoạt.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho giáo dục, huy động, thu hút nguồn tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân đầu tư cho giáo dục và đào tạo. Phối hợp tốt và huy động sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong và ngoài nhà trường.

- Tăng cường công tác khuyến học, khuyến tài. Phát huy vai trò các tổ chức đoàn thể, tổ chức hội, các hội đồng trong và ngoài nhà trường. Làm tốt công tác truyền thông giáo dục.

## **V. KHUNG THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀY**

*(Biểu thực hiện theo tuần)*

## **VI. KẾ HOẠCH TỔNG HỢP CỦA NĂM HỌC**

*(Biểu tổng hợp kèm theo)*

## **VII. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

### **1. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông**

#### **1.1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường**

##### **- Nhiệm vụ**

Nhà trường căn cứ vào CTGDPT, các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT đã ban hành để xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường bảo đảm tính thực tiễn, linh hoạt, khả thi, phù hợp với điều kiện đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có. Kế hoạch cần thể hiện rõ phương án huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm tổ chức dạy học 2 buổi/ngày tại đơn vị, góp phần nâng cao chất lượng thực hiện chương trình theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ và văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT; phải cụ thể hóa các nội dung, thời lượng, thời gian, địa điểm, đối tượng học sinh được tổ chức học 2 buổi/ngày; phân công giáo viên hợp lý, khoa học, bảo đảm đúng quy định về thời gian làm việc, phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học của từng nhà trường. Kế hoạch giáo dục của nhà trường cần quan tâm đến việc phân hóa đối tượng học sinh, có giải pháp bồi dưỡng học sinh giỏi, tổ chức ôn tập hiệu quả cho học sinh cuối cấp, hỗ trợ học sinh có kết quả học tập chưa đạt yêu cầu theo quy định.

Tiếp tục triển khai hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp các môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Nội dung giáo dục địa phương, nội dung Giáo dục quốc phòng và an ninh bảo đảm chất lượng, đạt mục tiêu chương trình, phù hợp với tình hình thực tiễn, năng lực đội ngũ và điều kiện dạy học của địa phương theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Đối với môn tiếng Anh: Triển khai thực hiện giảng dạy chương trình tiếng Anh theo CT GDPT 2018 đối với tất cả các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9 tại nhà trường.

##### **- Giải pháp**

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường bám sát hướng dẫn Sở GDĐT, phân rõ nội dung buổi 1 - buổi 2, công khai tới giáo viên, học sinh, phụ huynh.

Phân bổ thời lượng hợp lý: Đảm bảo không quá tải, buổi 2 ưu tiên ôn tập, trải nghiệm, rèn kỹ năng sống, giáo dục STEM, ngoại ngữ, thể chất.

Phối hợp chính quyền cấp phường: Huy động nguồn lực hỗ trợ cơ sở vật chất

Tổ chức khảo sát nhu cầu học sinh trước khi xếp lịch buổi 2, tránh hình thức, đáp ứng đúng nhu cầu và điều kiện thực tế.

#### **1.2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện văn hóa học đường với việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục**

### **- Nhiệm vụ**

Thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường.

### **- Giải pháp**

Các nội dung dạy học tích hợp (Tích hợp nội dung giáo dục quyền con người; tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và đạo đức liêm chính; tích hợp giáo dục STEM/STEAM vào các môn học và hoạt động giáo dục, khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo trong nhà trường; giáo dục bình đẳng giới; giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù, lòa cho học sinh; giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biên đảo, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục tăng cường năng lực số, kỹ năng chuyển đổi số và các nội dung giáo dục lồng ghép khác; hướng dẫn học sinh học tập nội dung giáo dục kiến thức pháp luật về An toàn giao thông đường bộ trên trang bình dân học vụ số...) phải được thể hiện cụ thể trong kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học môn học, kế hoạch bài dạy của giáo viên; linh hoạt lựa chọn hình thức dạy học nội dung tích hợp phù hợp với điều kiện thực hiện.

## **2. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục**

### **2.1. Phát triển mạng lưới trường, lớp**

#### **- Nhiệm vụ:**

Tham mưu thực hiện hiệu quả việc tổ chức rà soát, sắp xếp, quy hoạch mạng lưới trường lớp theo hướng dẫn của Bộ GDĐT

#### **- Giải pháp:**

Thực hiện hiệu quả các giải pháp để bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục. Việc tổ chức lại trường, lớp cần kế thừa các yếu tố ổn định, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, bảo đảm thuận lợi cho việc học của học sinh, gắn với các điều kiện nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới theo CTGDPT.

Trường học được xây dựng mới phải bảo đảm đồng bộ, có đủ phòng học bộ môn, nhà vệ sinh, sân chơi, nước sinh hoạt và các điều kiện cần thiết phục vụ học tập, sinh hoạt và an toàn cho học sinh.

### **2.2. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu**

#### **- Nhiệm vụ**

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, phát triển và khai thác kho học liệu số của đơn vị, địa phương và ngành giáo dục; đẩy mạnh việc sử dụng học liệu số hỗ trợ giáo viên trong tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

#### **- Giải pháp**

Có giải pháp quyết liệt, kiên trì tham mưu hiệu quả các cấp thực hiện bố trí, bảo đảm nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024; Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-

BGDĐT ngày 31/12/2024. để triển khai hiệu quả CTGDPT theo quy định; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có, khắc phục tình trạng “thiết bị đến trường mà không ra lớp”.

### **2.3. Bảo đảm sách giáo khoa và tài liệu giáo dục địa phương**

#### **- Nhiệm vụ**

Rà soát, huy động, khai thác hiệu quả nguồn sách giáo khoa đã sử dụng từ các năm học trước, tổ chức bổ sung vào thư viện nhà trường để phục vụ nhu cầu mượn – đọc sách giáo khoa; chủ động rà soát, điều chỉnh ngữ liệu trong bài học, chủ đề, ngữ liệu thực hành trong sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương nhằm phù hợp với bối cảnh sắp xếp địa giới hành chính và mô hình chính quyền địa phương hai cấp theo đúng hướng dẫn tại Công văn số 2166/SGDĐT-GDTrH ngày 28/7/2025 của Sở GDĐT về việc tăng cường thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm học 2025-2026; Công văn số 4060/BGDĐT-GDPT ngày 17/7/2025 của Bộ GDĐT về việc tăng cường thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm học 2025-2026.

#### **- Giải pháp**

Nhà trường đăng ký đầy đủ, kịp thời nhu cầu sách giáo khoa theo từng khối lớp, phối hợp với các nhà xuất bản và đơn vị phát hành để tổ chức cung ứng sách giáo khoa đúng tiến độ, bảo đảm học sinh có sách học ngay từ đầu năm học.

### **2.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục**

#### **a) Đảm bảo đội ngũ giáo viên triển khai Chương trình**

##### **- Nhiệm vụ**

Làm tốt công tác tham mưu với các cấp có thẩm quyền bảo đảm đủ giáo viên dạy đúng, đủ các môn học theo quy định CTGDPT, khắc phục tình trạng thiếu hoặc bố trí, sử dụng giáo viên không phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

##### **- Giải pháp**

Báo cáo, tham mưu Sở GDĐT, UBND cấp phường thực hiện phương án điều động, tăng cường giáo viên để sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có.

Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành chính sách phù hợp đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong đơn vị; đồng thời xây dựng kế hoạch phối hợp với các cơ quan liên quan tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường, đặc biệt trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao, kỹ năng sống.

#### **b) Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và tăng cường hoạt động sinh hoạt chuyên môn**

##### **- Nhiệm vụ**

Tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo tổ/nhóm/cụm chuyên môn (cụm trường) thiết thực, hiệu quả; tránh hình thức theo hướng dẫn của Sở GDĐT tại Công văn số 2321/SGDĐT-GDTrH ngày 06/8/2025 về hướng dẫn SHCM năm học 2025-2026.

Triển khai kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn kịp thời cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên theo Kế hoạch của Sở GDĐT (Kế hoạch số 2184/KH-SGDĐT ngày 29/7/2025 của Sở GDĐT về bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên năm học 2025-2026). Phát huy vai trò nòng cốt của đội ngũ cốt cán chuyên môn trong SHCM, trong tập huấn, bồi dưỡng.

Tập trung phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý trong đơn vị bảo đảm chất lượng thực hiện Chương trình GDPT 2018. Đảm bảo đủ giáo viên cho tất cả môn học. Tham gia bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ về Chương trình GDPT, SGK, đổi mới PPDH, kiểm tra đánh giá, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số. Chú trọng công tác hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ. Tham gia sinh hoạt chuyên môn theo cụm chuyên môn, tổ nhóm chuyên môn một cách thiết thực, hiệu quả, chất lượng.

#### **- Giải pháp**

Làm tốt công tác tham mưu với các cấp có thẩm quyền đảm bảo đủ giáo viên cho tất cả môn học.

Tạo điều kiện cho đội ngũ tham gia bồi dưỡng, tập huấn về Chương trình GDPT, SGK, đổi mới PPDH, kiểm tra đánh giá, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

Tham gia đầy đủ sinh hoạt chuyên đề liên trường theo môn học.

Bồi dưỡng thường xuyên nội dung bám sát SGK mới, phương pháp mới, đánh giá năng lực học sinh, chuyển đổi số; bám sát Kế hoạch của Sở GDĐT.

Giáo viên tích cực lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp cá nhân, chia sẻ tài liệu, bài giảng trên nền tảng số.

### **3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, phân luồng và phát triển năng lực số**

#### **3.1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học**

##### **- Nhiệm vụ**

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, tăng cường năng lực tự học, trải nghiệm sáng tạo cho học sinh, hướng học sinh phát huy năng lực tư duy giải quyết vấn đề; thực hiện hiệu quả việc lựa chọn linh hoạt, phù hợp các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, bảo đảm tính hấp dẫn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường, góp phần tạo hứng thú học tập và phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất học sinh.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để áp dụng hiệu quả đổi mới phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động dạy học

Dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tăng cường giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), giáo dục hướng nghiệp.

Thực hiện linh hoạt các phương pháp, hình thức dạy học (trải nghiệm, dự án, nhóm, câu lạc bộ...), chú trọng hướng dẫn tự học.

Đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ, bảo đảm đánh giá sự tiến bộ của học sinh và phù hợp tâm sinh lý lứa tuổi.

##### **- Giải pháp**

Bồi dưỡng PPDH thông qua việc tham gia chuyên đề, sinh hoạt cụm chuyên môn về dạy học tích cực, trải nghiệm, dự án, ứng dụng CNTT.

Kết hợp đa dạng hình thức: Sử dụng thí nghiệm, hoạt động nhóm, thảo luận tình huống, mô phỏng, học qua trò chơi.

Đổi mới kiểm tra: Sử dụng nhiều hình thức (bài viết, sản phẩm, thuyết trình, trực tuyến), kết hợp đánh giá quá trình và định kỳ.

Tích hợp giáo dục đạo đức, pháp luật, môi trường vào môn học và hoạt động trải nghiệm.

### **3.2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá**

#### **- Nhiệm vụ**

Thực hiện đánh giá học sinh và đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá theo đúng các quy định tại Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; 7991/BGDĐT-GDTrH ngày 17/12/2024 về việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đối với cấp THCS, THPT. Công văn số 3563/SGDĐT-GDTrH ngày 20/12/2024 của sở GD&ĐT.Tập trung đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh, bám sát yêu cầu cần đạt của CT GDPT. Sử dụng tích hợp linh hoạt các hình thức đánh giá như vấn đáp, viết, thực hành, quan sát, sản phẩm học tập, bài kiểm tra trên giấy hoặc trực tuyến, nhằm phản ánh toàn diện quá trình học tập và kết quả rèn luyện của học sinh.

#### **- Giải pháp**

Tăng cường đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập thông qua hệ thống câu hỏi, bài tập, hoạt động nhóm, dự án học tập, thuyết trình, hồ sơ học tập; tổ chức đánh giá định kỳ với các hình thức phù hợp như bài thực hành, bài kiểm tra tổng hợp, sản phẩm sáng tạo, dự án tích hợp. Chú trọng đánh giá các nội dung giáo dục tích hợp về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, đạo đức liêm chính, an toàn giao thông, giải quyết các vấn đề thực tiễn, góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh.

### **3.3. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng**

#### **- Nhiệm vụ**

Thực hiện hiệu quả việc đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục hướng nghiệp theo định hướng phát triển năng lực học sinh, bảo đảm gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động. Xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp linh hoạt, phù hợp với đặc điểm tâm lý, nhu cầu, năng lực của học sinh và điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường. Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, trải nghiệm nghề nghiệp gắn với thực tiễn; chủ động tích hợp nội dung giáo dục hướng nghiệp trong các môn học và hoạt động giáo dục theo CTGDPT; khuyến khích học sinh tìm hiểu, khám phá ngành nghề thông qua mô hình giáo dục STEM/STEAM, câu lạc bộ, diễn đàn tư vấn hướng nghiệp tại trường học.

Tiếp tục củng cố và phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn hướng nghiệp bảo đảm đủ về số lượng, có chuyên môn phù hợp và được tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, trung tâm dịch vụ việc làm và cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ giáo dục hướng nghiệp toàn diện, thiết thực, hiệu quả. Đẩy mạnh công tác truyền thông, cung cấp thông tin thị trường lao động, ngành nghề đào tạo để hỗ trợ học sinh lựa chọn nghề nghiệp, định hướng phân luồng phù hợp sau THCS và THPT, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển bền vững nguồn lực địa phương.

#### **- Giải pháp**

Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp gắn với nhu cầu địa phương, tổ chức tham quan, trải nghiệm nghề, kết nối cơ sở GDNN và doanh nghiệp.

Tư vấn phân luồng hợp lý, khuyến khích học sinh học nghề, GDTX hoặc tiếp tục học THPT tùy năng lực, nguyện vọng.

#### **4. Thực hiện giáo dục kỹ năng số, triển khai học bạ số**

##### **a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục - Nhiệm vụ**

Triển khai các giải pháp thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030” theo hướng dẫn tại Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” theo mục tiêu Đề án và hướng dẫn của Bộ/Sở GDĐT.

Tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá; triển khai hệ thống quản lý học tập, hệ thống quản lý nhà trường, học bạ số, hồ sơ giáo viên điện tử. Gắn kết hoạt động chuyển đổi số với đổi mới phương pháp dạy học, phát triển năng lực số của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn ngành.

##### **- Giải pháp**

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phục vụ tập huấn giáo viên dưới hình thức trực tuyến; chuẩn bị các phương án sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh, hướng đến mục tiêu “giáo dục trong mọi hoàn cảnh”.

##### **b) Triển khai thực hiện Khung năng lực số, Học bạ số và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đổi mới công tác quản lý giáo dục**

##### **- Nhiệm vụ**

Triển khai các hoạt động nhằm nâng cao năng lực số cho học sinh phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và triển khai của Sở GDĐT theo hướng dẫn tại Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên. Sở GDĐT triển khai tại Công văn số 1924/SGDĐT-GDTrH ngày 04/7/2025; bảo đảm hình thành và phát triển các năng lực ứng dụng công nghệ, bảo mật thông tin thiết yếu.

Triển khai Học bạ số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT Theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số 115/BGDĐT-GDTrH ngày 10/01/2025 Triển khai thí điểm học bạ số cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên; Công văn số 119/BGDĐT-GDTH ngày 10/01/2025 của BGDĐT hướng dẫn thực hiện Học bạ số cấp tiểu học và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

##### **- Giải pháp**

Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý và dạy học; đẩy mạnh tự động hóa công tác hành chính, sổ sách điện tử, thời khóa biểu, phân công chuyên môn, quản lý cơ sở vật chất, giảm tải cho cán bộ, giáo viên.

Triển khai học bạ số, hồ sơ điện tử theo lộ trình, kết nối dữ liệu với hệ thống quản lý ngành và CSDL quốc gia về dân cư.

Phát triển học liệu số: Xây dựng kho bài giảng, đề thi, học liệu mở, chia sẻ qua nền tảng chung của ngành.

Phối hợp tập huấn kỹ năng số cho giáo viên, học sinh; ứng dụng AI trong quản lý, chấm bài, tư vấn hướng nghiệp.

Kết hợp dạy trực tiếp - trực tuyến khi thiên tai, dịch bệnh hoặc tình huống đặc biệt.

## **5. Tổ chức thực hiện xét công nhận học sinh TN THCS, tuyển sinh vào lớp 10**

### **- Nhiệm vụ**

Căn cứ Thông tư số 31/2023/TT-BGDĐT ngày 29/12/2023 của Bộ GDĐT về quy chế xét công nhận TN THCS, số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 về quy chế tuyển sinh THCS, tuyển sinh THPT và các văn bản liên quan về tuyển sinh cấp trung học, nhà trường xây dựng kế hoạch dạy học, ôn tập, ôn thi tuyển sinh ngay từ đầu năm học (có kế hoạch kèm theo).

Thực hiện chương trình lớp 9 đúng quy định và thời gian, nâng cao chất lượng tiết học chính khóa; triển khai hướng dẫn của Sở GDĐT về xét TN THCS năm 2026 và cấu trúc đề thi vào lớp 10 năm học 2026-2027.

### **- Giải pháp**

Lập kế hoạch ôn tập sớm, phân loại theo năng lực; tài liệu ôn tập dùng chung cụm CM/tỉnh để đảm bảo chất lượng.

## **6. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục**

### **6.1. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc**

#### **- Nhiệm vụ**

Tích cực tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của UBND tỉnh và các văn bản của Sở GDĐT về việc thực hiện nhiệm vụ PCGD-XMC theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 1661/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Điện Biên năm 2025; Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/03/2014 về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT); Thực hiện các Thông tư của Bộ GDĐT: số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 quy định về điều kiện và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD-XMC); số 09/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 Quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục mầm non; số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 Quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông; Căn cứ Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2025; Số: 2366/SGDĐT-GDTrH, ngày tháng 8 năm 2025 của Sở GD&ĐT V/v tiếp tục thực hiện công tác PCGD-XMC năm 2025.

Chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương, phối hợp với các lực lượng tuyên truyền, vận động tối đa dân số trong độ tuổi đến trường ra lớp, duy trì sỹ số học sinh, giảm học sinh bỏ học giữa chừng, giảm số học sinh đi học không chuyên cần.

#### **- Giải pháp**

Thực hiện điều tra, cập nhật dữ liệu vào hệ thống thông tin quản lý PCGD-XMC đúng thời gian quy định. Tham mưu kiện toàn Ban chỉ đạo; thực hiện đúng quy trình, thủ tục kiểm tra kết quả PCGD-XMC; lưu trữ hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

Tập trung huy động đối tượng trong độ tuổi từ 15-18 đã hoàn thành chương trình THCS vào học chương trình GDPT hoặc GDTX cấp THPT; duy trì sỹ số học sinh; phối hợp với các trường THCS trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ PCGD THCS (cung cấp danh sách hoặc xác nhận danh sách học sinh đang học hoặc đã học xong của đơn vị cho các trường THCS).

## **6.2. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn**

### **- Nhiệm vụ**

Thực hiện hiệu quả giáo dục hòa nhập đối với học sinh khuyết tật; xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khuyết tật thông qua việc điều chỉnh chương trình học phù hợp với nhu cầu, khả năng của từng em.

*(Có kế hoạch và hồ sơ giáo dục khuyết tật kèm theo)*

### **- Giải pháp**

Chủ động tham mưu với các cấp có thẩm quyền triển khai các hoạt động hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong năm học, bao gồm hỗ trợ tài chính, học bổng, chi phí học tập, sách vở, đồ dùng học tập và các hình thức hỗ trợ khác nhằm bảo đảm điều kiện học tập tối thiểu. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, phát triển năng lực cá nhân, nâng cao kỹ năng sống và sự tự tin cho học sinh, góp phần thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng.

## **7. Tiếp tục đổi mới trong công tác quản lý, quản trị trường học và tăng cường công tác kiểm tra**

### **7.1. Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác quản lý trong các cơ sở giáo dục**

#### **- Nhiệm vụ**

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức, quản lý các hoạt động chuyên môn tại đơn vị; thực hiện nhập liệu, khai thác, sử dụng thống nhất cơ sở dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo.

#### **- Giải pháp**

Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý dạy thêm, học thêm theo Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT trên địa bàn. Tăng cường quản lý việc tổ chức và tham gia các kỳ thi, cuộc thi, bảo đảm chất lượng, thiết thực, đúng quy định; thực hiện hiệu quả, đúng quy định công tác tuyển sinh đầu cấp theo Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT; tổ chức tốt xét tốt nghiệp THCS và các kỳ thi, cuộc thi đảm bảo công bằng, khách quan, trung thực.

### **7.2. Tiếp tục thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo trong bối cảnh điều chỉnh địa giới hành chính, sắp xếp, tinh gọn bộ máy và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.**

#### **- Nhiệm vụ**

Xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường đảm bảo tính kế thừa, linh hoạt, khả thi, phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học hiện có.

Tập trung kiểm tra việc triển khai CTGDPT; tổ chức lựa chọn, sử dụng sách giáo khoa và xuất bản phẩm tham khảo đảm bảo quy định.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày thực hiện theo Chỉ thị 17/CT-TTg và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Phân hóa đối tượng học sinh, tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh chưa đạt yêu cầu, ôn tập hiệu quả cho học sinh cuối cấp.

#### **- Giải pháp**

Xây dựng Kế hoạch: huy động nguồn lực; đảm bảo phù hợp, khả thi; kiểm tra giám sát.

Phổ cập và phân luồng: Tổ chức rà soát, cập nhật dữ liệu phổ cập; tư vấn hướng nghiệp cho học sinh cuối cấp.

Hỗ trợ học sinh yếu thế: Miễn giảm các khoản đóng góp theo quy định, hỗ trợ học liệu, tổ chức lớp phụ đạo miễn phí.

### **7.3. Đẩy mạnh tổ chức các phong trào thi đua**

#### **- Nhiệm vụ**

Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, tạo động lực động viên, lôi cuốn, khuyến khích cá nhân, tập thể phát huy truyền thống yêu nước, hăng hái thi đua, năng động, sáng tạo.

Nâng cao chất lượng công tác thi đua khen thưởng, chú trọng phát hiện nhân rộng điển hình tiên tiến trong công tác dạy học và quản lý, bảo đảm tính lan tỏa, hiệu quả, thiết thực, phù hợp điều kiện địa phương; gắn với phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” nhằm tạo động lực nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

#### **- Giải pháp**

- Các phong trào thi đua phải thiết thực, sâu rộng, bám sát nhiệm vụ của đơn vị, tránh hình thức; kết hợp thực hiện hiệu quả phong trào thi đua thường xuyên với phong trào thi đua theo chuyên đề, tạo động lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức biểu dương, khen thưởng, tôn vinh các tập thể, cá nhân đảm bảo chính xác, công khai, công bằng, kịp thời và đúng quy định.

### **8. Công tác khác**

#### **8.1. Giáo dục Thể chất và phong trào TDTT trong trường học**

Nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung trong văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT về thực hiện nhiệm vụ Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao trường học năm học 2025-2026.

Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, y tế trường học trong đơn vị. Tổ chức thực hiện chương trình môn học GDTC đảm bảo thời lượng, phù hợp về nội dung, hình thức. Tập huấn nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp, hình thức và kỹ năng tổ chức các hoạt động thể thao cho đội ngũ giáo viên, giảng viên làm công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học.

Tiếp tục triển khai các hoạt động giáo dục thể chất, các hoạt động thể thao trường học theo Kế hoạch 398/KH- BGDDT ngày 09/5/2019 về việc thực hiện Kết luận của Bộ trưởng tại Hội nghị "Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và thể thao trường học trong ngành Giáo dục"; Thông tư 48/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT Quy định về thể thao trường học.

Tham gia tích cực các hoạt động phong trào từ cấp cơ sở đến cấp ngành tỉnh; qua thi đấu thành lập các đoàn tham gia các Cuộc thi, Hội thi, Hội thao các giải thi đấu thể thao do tỉnh, ngành, xã phường tổ chức.

#### **8.2. Công tác Y tế trường học**

Phối hợp chặt chẽ với hệ thống y tế cơ sở tổ chức các hoạt động truyền thông nhằm thay đổi hành vi vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường; phòng chống dịch, bệnh truyền nhiễm; tuyên truyền, phổ biến tới học sinh, cha mẹ học sinh chính sách pháp luật về bảo hiểm y tế (Thông tư liên tịch 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 12/05/2016 của Liên Bộ Y tế - Bộ GDĐT quy định về công tác y tế trường học; Chỉ thị số 17/CT-TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới; Thông tư số 41/2018/TT-BYT, ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Chỉ thị số 6036/CT-BGDĐT ngày 17/12/2014 của Bộ GDĐT về việc tăng cường thực hiện phòng, chống tác hại của thuốc lá và lạm dụng đồ uống có cồn trong ngành GDĐT; Nghị định 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế; Điều 18 Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Y tế về hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế và các quy định về quản lý tài chính hiện hành; Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT về hướng dẫn xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; Công văn số 1218/SGDĐT-GDTrH của Sở GDĐT về tăng cường bảo đảm an toàn trường học; giảm thiểu tình trạng học sinh đuối nước, tai nạn giao thông, ngộ độc liên quan đến cây Lá ngón).

Phối hợp với trạm y tế địa phương tổ chức khám/kiểm tra sức khỏe đầu vào, đầu ra theo năm học cho học sinh. Tổ chức giám sát các điều kiện vệ sinh trường học, hỗ trợ cải thiện môi trường học tập cho học sinh tại nhà trường, đảm bảo các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý. Báo cáo số liệu về công tác y tế trường trên Cơ sở dữ liệu của ngành đúng thời gian, đầy đủ về số liệu.

### **8.3. Công tác giáo dục dân tộc**

Tăng cường kỷ cương, nền nếp trong quản lý thực hiện nhiệm vụ giáo dục dân tộc; tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với học sinh dân tộc, đảm bảo chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, triển khai hiệu quả các hoạt động giáo dục; tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc;

Tăng cường thể chất, giáo dục, chăm sóc, bảo vệ và quản lý sức khỏe học sinh; tổ chức tốt các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe học sinh trong trường học. Chủ động các biện pháp phòng chống bệnh, tật học đường; đảm bảo an toàn cho học sinh đặc biệt là an toàn vệ sinh thực phẩm.

### **8.4. Nhiệm vụ Giáo dục quốc phòng và an ninh**

Nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung trong văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh Điện Biên về thực hiện nhiệm vụ Giáo dục quốc phòng và an ninh năm học 2025-2026.

Tổ chức thực hiện chương trình tích hợp trong các môn học nội dung GDQPAN đảm bảo thời lượng, phù hợp về nội dung, hình thức. Tập huấn nâng cao

kiến thức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ; phương pháp, hình thức và kỹ năng tổ chức giảng dạy nội dung GDQPAN cho đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy.

#### **VI. Chế độ báo cáo**

- Báo cáo, thống kê đầu năm học (trực tuyến): Trước ngày 15/9/2025
- Báo cáo, thống kê học kì 1: Trước ngày 16/01/2026
- Báo cáo, thống kê cuối năm học: Trước ngày 04/6/2026

Báo cáo, kế hoạch, các loại biểu thống kê gửi về Sở GDĐT qua phòng GDTrH địa chỉ Email: phonggdtrh @dienbien.edu.vn.

#### **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Đ/c Phạm Thị Hạnh – Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng**

Phụ trách chung các hoạt động chi bộ, nhà trường

Trực tiếp phụ trách:

Các mặt công tác: Tư tưởng chính trị: Chiến lược, Quy hoạch và kế hoạch phát triển giáo dục; Tổ chức cán bộ, Kế hoạch tài chính; Kiểm tra nội bộ; Thi đua; Cải cách hành chính; Chủ tài khoản.

Các công tác: Chủ nhiệm, Nghiên cứu khoa học, công tác bồi dưỡng giáo viên.

Trực tiếp phụ trách tổ KHTN.

Giải quyết công việc của CB, GV, NV nhà trường.

##### **2. Đ/c Đào Thị Bích Liên – Phó Bí thư chi bộ, Phó hiệu trưởng**

Giúp bí thư, hiệu trưởng phụ trách và giải quyết các công việc được bí thư, hiệu trưởng uỷ quyền.

Phụ trách công tác phát triển đảng viên, hồ sơ kiểm tra giám sát, các cuộc thi đảng viên, phụ trách công tác chuyên môn, các cuộc thi GV và HS.

Công tác khảo thí, kiểm định chất lượng giáo dục, công tác kiểm tra nội bộ, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, tư vấn tâm lý học đường.

Kế hoạch và các báo cáo về chuyên môn, hoạt động ngoại khóa, các hoạt động phong trào, hoạt động hướng nghiệp, tư vấn tâm lý học đường.

Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được hiệu trưởng phân công.

Kí các văn bản có liên quan đến lĩnh vực công tác được giao phụ trách (sau khi đã có ý kiến của hiệu trưởng).

Phụ trách trang Websie của nhà trường.

Tham gia một số ban, tổ chức đoàn thể khi có quyết định

Trực tiếp phụ trách tổ Văn - GD CD, Toán - Công nghệ

Ký duyệt học bạ khối 6,9

Giải quyết công việc của học sinh.

Công tác phát triển đảng, các loại hồ sơ của chi bộ, báo cáo tháng nộp Đảng uỷ phường, chịu trách nhiệm phối hợp với Đảng uỷ phường về hồ sơ của quần chúng, của đảng viên theo văn bản hướng dẫn.

##### **3. Đ/c Nguyễn Thị Vượng – Uỷ viên BCH chi bộ, Phó hiệu trưởng**

Giúp hiệu trưởng phụ trách và giải quyết các công việc được hiệu trưởng uỷ quyền.

Công tác phổ cập THCS.

Công tác cơ sở vật chất, lao động, y tế học đường, các hoạt động phong trào

Kế hoạch và báo cáo phổ cập THCS, cơ sở vật chất, lao động, y tế học đường, an toàn trường học, truyền thông, tiếp công dân, giáo dục pháp luật.

Phụ trách các phần mềm chuyên môn, dữ liệu quốc gia, phần mềm theo dõi thiết bị.

Công tác thống kê tổng hợp.

Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được hiệu trưởng phân công.

Kí các văn bản có liên quan đến lĩnh vực công tác được giao phụ trách (sau khi đã có ý kiến của hiệu trưởng).

Tham gia một số ban, tổ chức đoàn thể khi có quyết định

Trực tiếp phụ trách tổ HGD – NN – Tin học, Văn phòng.

Ký duyệt học bạ khối 7,8

Theo dõi giao nhận tài sản của nhà trường. Quản lý, sử dụng, kiểm kê tài sản theo định kỳ. Lưu biên bản kiểm tra theo qui định. Lập hồ sơ đề nghị mua sắm.

#### **4. Bí thư chi ĐoànTHCS Hồ Chí Minh**

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các hoạt động của Đoàn TN CSHCM;

- Tham gia cùng Tổng phụ trách Đội chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua và các cuộc vận động;

- Kết hợp cùng Tổng phụ trách Đội phát động, duy trì các phong trào thi đua của học sinh, tổ chức các hoạt động trong các ngày lễ lớn;

- Phụ trách các hoạt động thể thao trong trường.

#### **5. Tổng phụ trách Đội TNTPHCM**

Phụ trách và chỉ đạo thực hiện một số mặt công tác sau:

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các hoạt động của Đội TNTPHCM; Kế hoạch hoạt động ngoại khoá, Phối hợp thực hiện các hoạt động Trải nghiệm – hướng nghiệp.

- Trực tiếp điều hành các buổi hoạt động ngoại khoá, các ngày Lễ, Hội, các hoạt động chủ điểm, ngoại khoá, văn nghệ...

- Trực tiếp phụ trách công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật học sinh, chỉ đạo đội sao đỏ của nhà trường, theo dõi nền nếp kỷ luật, chuyên cần, vệ sinh của HS;

- Theo dõi học sinh khuyết tật, học sinh nghèo, chế độ học bổng cho học sinh; Phối hợp với GVCN lớp giáo dục truyền thống và đạo đức học sinh; tham gia giáo dục học sinh cá biệt;

- Phụ trách công tác ATGT, phòng chống ma túy tệ nạn xã hội, HIV/AIDS và bạo lực học đường;

- Quản lý và chịu trách nhiệm cá nhân về tài sản và trang thiết bị của Đội;

- Phụ trách các hoạt động văn nghệ trong trường; Tham mưu xây dựng và thực hiện công tác Tư vấn tâm lý học đường.

#### **6. Tổ trưởng chuyên môn**

- Phụ trách các hoạt động của tổ chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và cấp trên các hoạt động của tổ mình phụ trách dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch dạy học và KHGD theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục thuộc chuyên môn phụ trách theo tuần, tháng, học kỳ, năm học; phối hợp với các tổ chuyên môn khác xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Đề xuất lựa chọn sách giáo khoa để sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn theo kế hoạch giáo dục của nhà trường đã được phê duyệt.

- Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của tổ chuyên môn và của nhà trường.

- Tham gia các buổi họp do cấp trên, Ban Liên tịch triệu tập; tổ chức sinh hoạt tổ theo quy định, giải trình các vấn đề có liên quan đến công việc mình phụ trách.

- Đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên. Thực hiện kiểm tra nội bộ đối với giáo viên trong tổ.

- Điều hành các hoạt động chuyên môn trong phạm vi tổ (Sinh hoạt chuyên môn, tổ chức thao giảng, dự giờ tổ viên, chuyên đề...).

- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn 2 lần trên một tháng: vào tuần 2, tuần 4 của tháng.

- Tham gia ban chỉ đạo xây dựng trường chuẩn Quốc gia; Hội đồng tự kiểm định đánh giá chất lượng trường học.

- Là cầu nối truyền thông tin từ Hiệu trưởng, Ban Liên tịch và chỉ đạo các thành viên trong tổ thực hiện và truyền thông tin từ tổ về Hiệu trưởng, Ban Liên tịch.

- Khi được ủy quyền, có trách nhiệm triển khai các văn bản hoặc thông báo của nhà trường đến với tổ viên.

## **7. Giáo viên bộ môn**

- Dạy học và giáo dục theo chương trình, kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học của nhà trường, theo chế độ làm việc của giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định; quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giáo dục; tham gia nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng;

- Tham gia công tác kiểm định chất lượng giáo dục, công tác Phổ cập giáo dục của nhà trường;

- Phối hợp với giáo viên CN và các tổ chức khác để giáo dục toàn diện HS;

- Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém.

- Tham gia làm hồ sơ xây dựng trường chuẩn Quốc gia.

## **8. Giáo viên chủ nhiệm lớp**

Ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn còn thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp với đặc điểm học sinh, với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng học sinh;

- Thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng;

- Phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh thông qua sổ liên lạc, điện thoại, thăm gia đình..., phối hợp với các giáo viên bộ môn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội có liên

quan trọng việc hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện.

- Nhận xét, đánh giá và xếp loại học sinh cuối kỳ và cuối năm học; đề nghị khen thưởng và kỷ luật học sinh; đề nghị danh sách học sinh được lên lớp thẳng, phải kiểm tra lại, phải rèn luyện thêm về hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè, phải ở lại lớp; hoàn chỉnh việc ghi sổ điểm và học bạ học sinh;

- Báo cáo thường kỳ vào kỳ họp hàng tháng hoặc đột xuất về tình hình của lớp với Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;

### **9. Tổ Văn phòng**

- Xây dựng kế hoạch chung của tổ, chỉ đạo tổ viên thực hiện theo kế hoạch tổ, kế hoạch chung của nhà trường; Điều hành các cuộc họp các hoạt động trong phạm vi tổ;

- Phân công và theo dõi lịch trực hành chính, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của tổ viên;

- Thành viên ban chỉ đạo xây dựng trường chuẩn Quốc gia và KĐ CL GD.

- Sắp xếp, vệ sinh văn phòng, phòng hội đồng theo quy định để tổ chức các hội nghị, lễ sơ kết, tổng kết...

- Tham gia sinh hoạt đoàn thể ở tổ VP.

- Phụ trách công tác y tế học đường, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, theo dõi, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho CB, GV, NV, HS.

- Phối hợp với Trung tâm y tế trên địa bàn tổ chức khám sức khỏe cho học sinh định kỳ hàng năm.

- Phối hợp với bộ phận kế toán ; GVCN rà soát, lập danh sách học sinh tham gia Bảo hiểm y tế; Hàng quý lên kế hoạch mua thêm thuốc, bông băng sơ cứu cho giáo viên và học sinh;

- Phụ trách công tác An toàn trường học nhà trường;

- Tham mưu cho hiệu trưởng xây dựng kế hoạch y tế học đường trong nhà trường và kế hoạch phòng chống các loại dịch bệnh; Hồ sơ ATTH.

- Tổng hợp và nhận danh sách học sinh tham gia Bảo hiểm thân thể từ GVCN và gửi về các cơ quan chủ quản;

#### **\* Thực hiện công tác Văn thư**

- Nhận công văn đi, đến vào sổ theo quy định và chuyển cho Hiệu trưởng xử lý, lưu trữ công văn đi, đến.

- Soạn thảo các văn bản hành chính của trường khi Hiệu trưởng uỷ quyền, vào sổ văn bản đúng quy định và gửi đi kịp thời, đúng địa chỉ;

- Quản lý và sử dụng con dấu của trường theo quy định;

- Quản lý, nhận và trao trả các loại văn bằng, chứng chỉ của học sinh;

- Tiếp nhận, xử lý và quản lý hồ sơ Học sinh chuyển đi, chuyển đến.

- Quản lý học bạ, sổ điểm theo quy định.

#### **\* Phụ trách công tác kế toán**

- Phụ trách công tác kế toán của nhà trường; Thực hiện dự toán, thanh quyết toán kinh phí từng tháng, quý, năm theo chế độ quy định của Bộ tài chính và ngành cấp trên.

- Thực hiện lưu trữ các hồ sơ chứng từ, sổ sách kế toán theo quy định của Bộ Tài chính. Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, tham mưu với Hiệu trưởng về công tác sửa chữa, mua sắm tài sản phục vụ hoạt động giáo dục trong nhà trường đúng mục đích có hiệu quả.

- Hàng năm tiến hành kiểm kê tài sản, thực hiện khấu hao tài sản theo giá trị hao mòn khi sử dụng, những tài sản thanh lý phải có sự giám sát của Thanh tra nhân dân và bộ phận phụ trách.

- Thực hiện các nhiệm vụ và yêu cầu được quy định . Chấp hành nghiêm các hành vi bị cấm đối với kế toán được quy định tại Luật kế toán số 88/2015/QH13 ban hành ngày 20/11/2015.

- Thực hiện chế độ dự toán, chiết tính có tính khả thi, đảm bảo tiết kiệm tài chính cho nhà trường.

- Hướng dẫn các bộ phận làm hoá đơn chứng từ khi thực hiện thanh quyết toán.

- Quản lý hồ sơ, thanh quyết toán kinh phí Bảo hiểm y tế học sinh.

- Tổng hợp và nhận danh sách học sinh tham gia Bảo hiểm thân thể từ GVCN và gửi về các cơ quan chủ quản;

#### **\* Công tác bảo vệ**

- Trục bảo vệ theo HD lao động đã kí hàng năm; bảo vệ an ninh trật tự, tài sản, CSVC của nhà trường, xe của CB-GV-NV và khách, không cho bất cứ ai mang tài sản của nhà trường ra khỏi trường khi chưa được sự đồng ý của Hiệu trưởng, không để người ngoài vào trường mà chưa thông qua bảo vệ;

- Trong giờ học không cho HS ra ngoài nếu chưa được sự cho phép của Ban giám hiệu và giáo viên dạy tiết đó. Hỗ trợ nhà trường chấn chỉnh nề nếp HS, phát hiện những trường hợp vi phạm nội quy và có trách nhiệm nhắc nhở, giáo dục. Phát hiện những đối tượng xấu đe dọa, trộm cắp học sinh, thông báo kịp thời cho BGH và công an phường xử lý.

- Hướng dẫn khách đến liên hệ công việc với nhà trường để phương tiện đúng nơi quy định. Kiểm tra kiểm soát, không cho người có nhiệm vụ vào trường học; ghi sổ và bàn giao ca trực hàng ngày. Trục đánh trống các giờ học theo quy định. Trang phục, tư thế, tác phong phải nghiêm chỉnh, gọn gàng. Quan hệ giao tiếp với phụ huynh, giáo viên, HS và khác của nhà trường đúng mực.

- Trong giờ làm việc không uống rượu, bia, không để xảy ra các tệ nạn xã hội trong trường học.

- Tiết kiệm điện, nước, giữ vệ sinh sạch sẽ khu vực phòng bảo vệ và khu cổng trường. Cuối buổi kiểm tra tắt điện, quạt và đóng cửa tất cả các phòng học và phòng làm việc, ghi lại những lớp không tắt đèn, quạt, không khoá cửa lớp. Hàng ngày, phải kiểm tra hệ thống điện, nước, phương tiện PCCC, phụ trách đóng ngắt cầu dao điện và đóng mở van nước.

- Theo dõi và đề xuất việc sửa chữa, đền bù, thay thế tài sản bị hỏng, mất. Các tài sản bị hỏng, mất mà bảo vệ không biết lý do, không quy được trách nhiệm cho người đền bù thì bảo vệ phải bồi thường;

- Khi có hội nghị hoặc công việc đột xuất thì nhân viên bảo vệ phải làm việc theo chỉ đạo của Ban giám hiệu, của tổ văn phòng.

#### **10. Ban đại diện hội cha mẹ học sinh**

Tuyên truyền Kế hoạch giáo dục đến phụ huynh học sinh; phối hợp với nhà trường giáo dục đạo đức, pháp luật cho học sinh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Phụ huynh chịu trách nhiệm về an toàn phòng chống tai nạn thương tích, chấp hành pháp luật và các vấn đề khác của của học sinh ngoài thời gian ở trường.

Trên đây là kế hoạch giáo dục của trường THCS Tân Bình năm học 2025-2026. Ban giám hiệu yêu cầu cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường cụ thể hóa bằng kế hoạch cá nhân và nghiêm túc thực hiện kế hoạch này.

***Nơi nhận:***

- Phòng VH-XH (B/c);
- HĐT;
- Tổ chuyên môn; tổ VP;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Phạm Thị Hạnh**